ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1076 /QĐ-UBND	*Hà Nội, ngày 07 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt chỉ tiêu và ban hành Kế hoạch tổ chức tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã của thành phố Hà Nội năm 2019

SỞ NỘI VỤ TP. HÀ NỘI
ĐẾN Số: 1494
Ngày: 07/3/2019
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 29/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức; Thông tư số 16/2012/TT-BNV ngày 28/12/2012 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức, Quy chế thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức và Nội quy kỳ thi tuyển, thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Căn cứ Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 6688/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2019 của thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ thành phố Hà Nội tại Tờ trình số 231/TTr-SNV ngày 30/01/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Phê duyệt chỉ tiêu tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã của thành phố Hà Nội năm 2019, tổng số chỉ tiêu tuyển dụng 11.182 người, trong đó:

a) Giáo viên: Chỉ tiêu tuyển dụng 10.949 người:

- Giáo viên THCS hạng III, mã số V.07.04.12 là 3.546 người;
- Giáo viên Tiểu học hạng IV, mã số V.07.03.09 là 4.171 người;
- Giáo viên Mầm non hạng IV, mã số V.07.02.06 là 3.232 người;

b) Nhân viên: Chỉ tiêu tuyển dụng 233 người:

- Nhân viên Thư viện trường THCS, mã số V.10.02.07 là 75 người;
- Nhân viên Thư viện trường tiểu học, mã số V.10.02.07 là 74 người;
- Nhân viên Văn thư trường THCS, mã số 02.008 là 52 người;
- Nhân viên Văn thư trường tiểu học, mã số 02.008 là 32 người;

(có biểu tổng hợp của UBND quận, huyện, thị xã kèm theo).

2. Ban hành Kế hoạch tổ chức tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã của thành phố Hà Nội năm 2019.

3. Hình thức tuyển dụng:

Tuyển dụng bằng hình thức thi tuyển 2 vòng theo quy định tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018.

- Vòng 1 thi trắc nghiệm trên máy tính với 2 nội dung: Kiến thức chung và Ngoại ngữ;

- Vòng 2 thi viết môn nghiệp vụ, chuyên ngành.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì hướng dẫn UBND quận, huyện, thị xã xây dựng Kế hoạch chi tiết, cụ thể để tổ chức tuyển dụng viên chức đảm bảo thống nhất chung trong toàn Thành phố, đúng theo quy định, đúng vị trí việc làm, nâng cao chất lượng và phòng chống tiêu cực.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc các sở: Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Thông tin và Truyền thông, Tư pháp, Thanh tra Thành phố, Tài chính, Giám đốc Công an Thành phố, Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã, Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục công lập và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND Thành phố (để b/c);
- Phó CT TT UBND Thành phố: Nguyễn Văn Sửu;
- VP UBNDTP: PCVP: Phạm Chí Công, KGVX, TKBT, NC, TH;
- Lưu: VT, SNV (CCVC).

3761 (50)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Sửu

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Tổ chức tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã của thành phố Hà Nội năm 2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 / 3 /2019 của UBND Thành phố)

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

I. Mục đích

Tuyển dụng bổ sung viên chức làm công tác giảng dạy và viên chức phục vụ giảng dạy tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã đúng vị trí việc làm, đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, đúng cơ cấu; góp phần xây dựng đội ngũ viên chức ngành giáo dục, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ giáo dục và đào tạo của Thành phố.

II. Yêu cầu

Việc tuyển dụng viên chức ngành giáo dục đảm bảo công khai, khách quan, dân chủ, công bằng và đúng quy định của pháp luật.

B. ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN, PHIẾU VÀ ƯU TIÊN TRONG TUYỂN DỤNG

I. Điều kiện và tiêu chuẩn dự tuyển viên chức:

1. Điều kiện chung

- Là công dân Việt Nam, cư trú tại Việt Nam;

- Có Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu quy định, có lý lịch rõ ràng;

- Có đủ văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng, chức danh nghề nghiệp viên chức cần tuyển;

- Tuổi đời từ đủ 18 tuổi trở lên;

- Có đủ sức khoẻ để thực hiện nhiệm vụ;

2. Điều kiện cụ thể đối với chức danh nghề nghiệp giáo viên

a) Thí sinh dự tuyển giáo viên mầm non hạng IV, xếp mã số chức danh nghề nghiệp V.07.02.06, tốt nghiệp trung cấp sư phạm trở lên ngành giáo dục mầm non.

b) Thí sinh dự tuyển giáo viên bậc tiểu học hạng IV, xếp mã số chức danh nghề nghiệp V.07.03.09, trong đó:

- Giáo viên tiểu học tốt nghiệp trung cấp sư phạm trở lên ngành giáo dục tiểu học;

- Giáo viên dạy tin học, ngoại ngữ, thể dục, nhạc, họa bậc tiểu học phải có trình độ cao đẳng sư phạm trở lên (có chứng chỉ sư phạm nếu không thuộc ngành sư phạm);

c) Thí sinh dự tuyển giáo viên trung học cơ sở hạng III, xếp mã số chức danh nghề nghiệp V.07.04.12, phải tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên.

3. Điều kiện cụ thể đối với chức danh nghề nghiệp viên chức khác

Có đủ tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và ngành đào tạo của mã số, chức danh nghề nghiệp cần tuyển, cụ thể:

a) Viên chức làm công tác thư viện tại các trường tiểu học, trung học cơ sở, xếp mã số V.10.02.07, chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng IV, tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành thư viện.

b) Viên chức làm công tác văn thư tại các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, xếp mã số 02.008, Văn thư trung cấp, tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành văn thư lưu trữ.

4. Điều kiện về trình độ ngoại ngữ, tin học đối với người đăng ký tuyển dụng vào làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã theo tiêu chuẩn sau:

a) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Việc công nhận trình độ ngoại ngữ tương đương thực hiện theo Hướng dẫn số 4645/SGD&ĐT-GDTX-CN ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội, cụ thể:

- Đối với các chứng chỉ Chương trình tiếng Anh thực hành A, B, C ban hành theo Quyết định số 177/QĐ-TCBT ngày 30/01/1993 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và A1, A2, B1, B2, C1, C2 ban hành theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo trước đây được tạm thời quy đổi theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Khung 6 bậc) như sau:

+ Trình độ A theo Quyết định số 177/QĐ-TCBT và trình độ A1 theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT tương đương bậc 1 của Khung 6 bậc;

+ Trình độ B theo Quyết định số 177/QĐ-TCBT và trình độ A2 theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT tương đương bậc 2 của Khung 6 bậc;

+ Trình độ C theo Quyết định số 177/QĐ-TCBT và trình độ B1 theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT tương đương bậc 3 của Khung 6 bậc;

+ Trình độ B2 theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT tương đương bậc 4 của Khung 6 bậc;

+ Trình độ C1 theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT tương đương bậc 5 của Khung 6 bậc;

+ Trình độ C2 theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT tương đương bậc 6 của Khung 6 bậc;

- Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế đã cấp, được công nhận và còn thời hạn sử dụng có giá trị thay thế trình độ A2, B1, B2, C1, C2 theo bảng quy chuẩn trình độ tại mục 4, Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chương trình giáo dục thường xuyên về tiếng Anh thực hành.

- Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ phải có chứng chỉ ngoại ngữ thứ hai đạt bậc 1 trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

b) Có trình độ tin học tối thiểu đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (thực hiện theo quy định tại Điều 23 Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin).

5. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Toà án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

II. Phiếu đăng ký dự tuyển, địa điểm tiếp nhận Phiếu

1. Người đăng ký dự tuyển viên chức nộp trực tiếp nộp 01 Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu vào một vị trí việc làm tại một trường có chỉ tiêu thi tuyển tính trong toàn Thành phố *(nếu đăng ký thi tuyển vào từ 2 vị trí trở lên sẽ bị loại khỏi danh sách dự thi)*, người đăng ký dự tuyển viên chức phải khai đầy đủ các nội dung yêu cầu trong Phiếu đăng ký dự tuyển tính đến thời điểm nộp Phiếu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai trong Phiếu.

2. Sau khi có thông báo công nhận kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải đến cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng viên chức để xuất trình bản chính các văn bằng, chứng chỉ, kết quả học tập, đối tượng ưu tiên (nếu có) ...theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng theo quy định.

3. Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng phát hiện người trúng tuyển sử dụng văn bằng, chứng chỉ không đúng quy định thì sẽ bị hủy kết quả trúng tuyển.

4. Địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển: Do UBND quận, huyện, thị xã quy định.

III. Đối tượng và điểm ưu tiên trong tuyển dụng viên chức

1. Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2;

2. Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của

thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2;

3. Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ: được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2.

Trường hợp người dự thi tuyển viên chức thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm thi tại vòng 2.

C. TRÌNH TỰ TIẾP NHẬN PHIẾU ĐĂNG KÝ, TỔ CHỨC TUYỂN DỤNG, NỘI DUNG THI, ĐIỀU KIỆN MIỄN MÔN THI VÀ CÁCH TÍNH ĐIỂM

I. Trình tự tiếp nhận Phiếu đăng ký, tổ chức tuyển dụng

1. Tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển

- UBND quận, huyện, thị xã thành lập Ban thu Phiếu đăng ký dự tuyển, lệ phí tuyển dụng theo quy định;

- Thời gian nhận Phiếu đăng ký dự tuyển: UBND Thành phố, giao Sở Nội vụ hướng dẫn cụ thể theo quy định;

- Địa điểm: Do UBND quận, huyện, thị xã quy định;

- UBND quận, huyện, thị xã quyết định phê duyệt và công bố danh sách người đủ điều kiện dự tuyển.

2. UBND quận, huyện, thị xã thành lập Hội đồng thi tuyển viên chức (gọi tắt là Hội đồng thi tuyển).

3. Tổ chức thi tuyển

Sau khi chốt thời gian tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển, Hội đồng thi tuyển thành lập các Ban giúp việc, tổ chức ôn tập cho thí sinh theo nội dung và lịch chung của Thành phố; lập danh sách đăng ký thi tuyển và thực hiện quy trình thi tuyển theo hướng dẫn chung của Thành phố.

II. Nội dung thi, hình thức thi, miễn môn thi:

Thi tuyển viên chức được thực hiện theo 2 vòng thi như sau:

1. Vòng 1: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

a) Nội dung thi trắc nghiệm gồm 2 phần

Phần I: Kiến thức chung 60 câu hỏi về pháp luật viên chức; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và những hiểu biết cơ bản về ngành, lĩnh vực tuyển dụng; chức trách, nhiệm vụ của viên chức theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển. Thời gian thi 60 phút.

Phần II: Ngoại ngữ tiếng Anh gồm 30 câu hỏi. Thời gian thi 30 phút.

b) Miễn phần thi ngoại ngữ (vòng 1) đối với các trường hợp sau:

Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học về ngoại ngữ;

Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài hoặc tốt nghiệp đại học, sau đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam;

Người dự tuyển làm viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số là người dân tộc thiểu số hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số được cấp có thẩm quyền công nhận.

c) Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi quy định tại điểm a mục này, nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì người dự tuyển được thi tiếp vòng 2.

2. Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành

a) Nội dung thi: Kiến thức, năng lực, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển viên chức theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng, cụ thể do Hội đồng thi tuyển hướng dẫn.

b) Hình thức thi: Thi viết.

c) Thang điểm: 100 điểm.

d) Thời gian thi: 180 phút.

III. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức

1. Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có kết quả điểm thi tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;

b) Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển.

3. Không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

D. KINH PHÍ TUYỂN DỤNG

Thực hiện theo Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức và ngân sách quận, huyện, thị xã cấp bổ sung.

Kinh phí chi hoạt động của Ban xây dựng nội dung ôn tập, ngân hàng đề thi và tổ chức thi trắc nghiệm các môn thi trên máy vi tính, Ban Giám sát kỳ thi và các nội dung khác có liên quan đến kỳ thi được chi từ lệ phí dự thi và nguồn ngân sách Thành phố giao cho Sở Nội vụ và UBND quận, huyện, thị xã tại Quyết định số 6688/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2018 của thành phố Hà Nội.

Mức chi áp dụng theo Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 25/5/2015 của UBND Thành phố về việc phê duyệt dự toán kinh phi tổ chức kỳ thi tuyển công chức hành chính năm 2015 của thành phố Hà Nội.

E. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tham mưu trình UBND Thành phố thành lập Ban xây dựng nội dung ôn tập, ngân hàng đề thi các môn của Thành phố (gọi tắt là Ban xây dựng nội dung ôn tập, đề thi) giúp quận, huyện thị xã tổ chức kỳ tuyển dụng thống nhất chung toàn thành phố;

- Hướng dẫn chi tiết Hội đồng thi tuyển quận, huyện, thị xã về chuyên môn nghiệp vụ tổ chức tuyển dụng viên chức theo quy định hiện hành;

- Hướng dẫn quy trình và nội dung tuyển dụng, thống nhất lịch tổ chức tuyển dụng trong toàn Thành phố;

- Cử người tham gia Ban giám sát của Thành phố để giám sát công tác tuyển dụng viên chức giáo dục quận, huyện, thị xã.

II. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Cử công chức, viên chức của Sở tham gia: Ban xây dựng nội dung ôn tập, đề thi;

- Cử công chức, viên chức tham gia Ban giám sát của Thành phố để giám sát công tác tuyển dụng viên chức giáo dục quận, huyện, thị xã.

III. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Nội vụ, chỉ đạo Trung tâm Đào tạo công nghệ thông tin và truyền thông chuẩn bị cơ sở vật chất, máy tính, phòng thi; chịu trách nhiệm trước UBND Thành phố về xây dựng, áp dụng phần mềm thi trắc nghiệm tại các địa điểm theo kế hoạch của Thành phố ; giúp Hội đồng thi tuyển quận, huyện, thị xã tổ chức thi trắc nghiệm các môn trên máy tính đảm bảo chính xác và thông suốt trong quá trình tổ chức thực hiện.

IV. Sở Tư pháp

Cử người tham gia Ban giám sát của Thành phố để giám sát công tác tuyển dụng viên chức giáo dục quận, huyện, thị xã.

V. Công an Thành phố

- Cử người tham gia Ban giám sát kỳ tuyển dụng viên chức giáo dục để giám sát công tác tuyển dụng viên chức giáo dục quận, huyện, thị xã

- Phối hợp với Hội đồng thi tuyển quận, huyện, thị xã xác minh văn bằng, chứng chỉ của thí sinh trúng tuyển ngay sau khi Hội đồng thi tuyển quận, huyện, thị xã công bố kết quả kỳ thi, nếu phát hiện thí sinh sử dụng văn bằng, chứng chỉ giả để tham gia kỳ tuyển dụng, kịp thời có văn bản đề nghị UBND quận, huyện, thị xã hủy bỏ kết quả tuyển dụng và tiến hành xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

VI. Thanh tra thành phố Hà Nội

Chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tư pháp, Công an Thành phố và UBND quận, huyện, thị xã trình UBND Thành phố thành lập Ban giám sát kỳ tuyển dụng viên chức giáo dục để giám sát toàn bộ quá trình tổ chức tuyển dụng viên chức giáo dục quận, huyện, thị xã theo quy định.

VII. Sở Tài chính

Bố trí phân bổ kinh phí, hướng dẫn lập dự toán, quyết toán kinh phí phục vụ kỳ tuyển dụng viên chức theo quy định.

VIII. UBND quận, huyện, thị xã

- Căn cứ Kế hoạch của Thành phố, xây dựng và ban hành Kế hoạch chi tiết, cụ thể để tổ chức tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục trực thuộc quận, huyện, thị xã quản lý và chịu trách nhiệm trước UBND Thành phố về công tác tuyển dụng của đơn vị mình;

- Thông báo công khai kế hoạch tuyển dụng trên các phương tiện thông tin đại chúng, tại nơi tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển và tại các trường có chỉ tiêu tuyển dụng. Nội dung thông báo gồm: số lượng chỉ tiêu tuyển dụng tại từng trường; điều kiện, tiêu chuẩn; thời gian, địa điểm tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển và tổ chức tuyển dụng; lệ phí tuyển dụng;

- Thành lập Ban thu phiếu đăng ký dự tuyển viên chức, tổ chức thu nhận phiếu đăng ký dự tuyển; xét duyệt, lập danh sách người đủ điều kiện tuyển dụng để niêm yết công khai tại trụ sở và trên cổng thông tin điện tử;

- Thành lập Hội đồng thi tuyển, chỉ đạo tổ chức tuyển dụng viên chức theo Kế hoạch của UBND Thành phố và theo hướng dẫn của Sở Nội vụ;

- Chỉ đạo kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về tuyển dụng viên chức theo thẩm quyền;

- Tổng hợp, phê duyệt kết quả thi tuyển, báo cáo UBND Thành phố qua Sở Nội vụ;

- Tổ chức kiểm tra đối chiếu hồ sơ gốc đối với người trúng tuyển; phối hợp Công an Thành phố xác minh những trường hợp có dấu hiệu sử dụng bằng cấp, giấy tờ giả; xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật; quyết định tuyển dụng và hướng dẫn Hiệu trưởng các trường ký hợp đồng làm việc đối với người trúng tuyển theo quy định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch, nếu có vấn đề vướng mắc, đề nghị UBND các quận, huyện, thị xã báo cáo gửi UBND Thành phố (qua phòng Công chức, viên chức của Sở Nội vụ) để xem xét giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Sửu

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

MẦM NON

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Đơn vị	Biên chế được giao		Số có mặt đến 31/12/2018		Số thiếu		Tổng chỉ tiêu tuyển dụng			
		Số viên chức giáo viên	Số viên chức nhân viên hành chính	Số viên chức giáo viên	Số viên chức nhân viên hành chính	Số viên chức giáo viên	Số viên chức nhân viên hành chính	Tổng số	Tuyển Giáo viên hạng IV, mã V.07.02.06	Kế toán	Văn thư
	TỔNG	**31711**	**1838**	**27973**	**1641**	**3738**	**197**	**3232**	**3232**	**0**	**0**
1	Ba Đình	666	42	507	27	159	15	**154**	154		
2	Ba Vì	1617	82	1465	60	152	22	**133**	133		
3	Bắc Từ Liêm	829	34	777	31	52	3	**42**	42		
4	Cầu Giấy	793	56	633	55	160	1	**105**	105		
5	Chương Mỹ	1286	94	1251	93	35	1	**34**	34		
6	Đan Phượng	870	49	665	46	205	3	**180**	180		
7	Đông Anh	1705	90	1580	87	125	3	**134**	134		
8	Đống Đa	833	78	683	63	150	15	**100**	100		
9	Gia Lâm	1160	71	1063	68	97	3	**75**	75		
10	Hà Đông	1381	123	1191	64	190	59	**177**	177		
11	Hai Bà Trưng	930	60	696	44	234	16	**196**	196		
12	Hoài Đức	1427	60	1320	54	107	6	**89**	89		
13	Hoàn Kiếm	502	36	399	27	103	9	**76**	76		
14	Hoàng Mai	798	48	776	48	22	0	**56**	56		
15	Long Biên	1202	67	919	49	283	18	**231**	231		
16	Mê Linh	1123	50	928	50	195	0	**180**	180		
17	Mỹ Đức	1182	72	1079	65	103	7	**99**	99		
18	Nam Từ Liêm	698	24	585	21	113	3	**108**	108		
19	Phú Xuyên	1328	76	1217	74	111	2	**107**	107		
20	Phúc Thọ	1059	50	833	38	226	12	**191**	191		
21	Quốc Oai	1189	69	1068	69	121	0	**105**	105		
22	Sóc Sơn	1556	87	1350	79	206	8	**206**	206		
23	Sơn Tây	621	30	501	44	120	-14	**76**	76		
24	Tây Hồ	449	24	419	20	30	4	**27**	27		
25	Thạch Thất	1038	57	958	56	80	1	**65**	65		
26	Thanh Oai	1172	48	1172	48	0	0	**0**	0		
27	Thanh Trì	1344	77	1106	77	238	0	**201**	201		
28	Thanh Xuân	640	41	550	41	90	0	**85**	85		
29	Thường Tín	1251	71	1241	71	10	0	**0**	0		
30	Ứng Hòa	1062	72	1041	72	21	0	**0**	0		

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI MẦM NON

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
QUẬN BA ĐÌNH

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	CHỈ TIÊU GIÁO VIÊN ĐỨNG LỚP (Giáo viên mầm non hạng IV, mã V.07.02.06)	CHỈ TIÊU NHÂN VIÊN	
				CHỨC DANH, NGẠCH CẦN TUYỂN	
				Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư (mã số 02.008)
	TỔNG	**154**	**154**	**0**	**0**
1	Mẫu giáo Số 3	**7**	7		
2	Mẫu giáo Số 5	**11**	11		
3	Mẫu giáo Số 7	**8**	8		
4	Mẫu giáo Số 9	**7**	7		
5	Mẫu giáo Số 10	**14**	14		
6	MN Hoa Hướng Dương	**9**	9		
7	MN Họa Mi	**16**	16		
8	MG Mầm non A	**8**	8		
9	MN Thành Công	**12**	12		
10	MN Sao Mai	**6**	6		
11	MN Tuổi Hoa	**10**	10		
12	MG Tuổi Thơ	**1**	1		
13	Mẫu giáo Số 2	**3**	3		
14	Mầm non Số 6	**2**	2		
15	Mẫu giáo Số 8	**4**	4		
16	Mầm non 1/6	**6**	6		
17	MG Chim Non	**2**	2		
18	Mầm non Hoa Đào	**6**	6		
19	MG Hoa Hồng	**6**	6		
20	MN Hoa Mai	**4**	4		
21	MG Sơn Ca	**12**	12		

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI MẦM NON

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN BA VÌ

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	CHỈ TIÊU GIÁO VIÊN ĐỨNG LỚP (Giáo viên mầm non hạng IV, mã V.07.02.06)	CHỈ TIÊU NHÂN VIÊN CHỨC DANH, NGẠCH CẦN TUYỂN	
				Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư (mã số 02.008)
	TỔNG	**133**	**133**	**0**	**0**
1	Ba Trại A	**3**	3		
2	Ba Trại B	**6**	6		
3	Ba Vì	**4**	4		
4	Cam Thượng	**2**	2		
5	Cẩm Lĩnh A	**3**	3		
6	Cẩm Lĩnh B	**13**	13		
7	Cổ Đô	**0**	0		
8	Châu Sơn	**2**	2		
9	Chu Minh	**0**	0		
10	Đông Quang	**1**	1		
11	Đồng Thái	**4**	4		
12	Khánh Thượng A	**5**	5		
13	Khánh Thượng B	**6**	6		
14	Minh Châu	**4**	4		
15	Minh Quang A	**5**	5		
16	Minh Quang B	**3**	3		
17	Phong Vân	**0**	0		
18	Phú Cường	**0**	0		
19	Phú Châu	**1**	1		
20	Phú Đông	**5**	5		
21	Phú Phương	**2**	2		
22	Phú Sơn	**0**	0		
23	Sơn Đà	**7**	7		
24	Tản Hồng	**7**	7		
25	Tản Lĩnh A	**10**	10		
26	Tản Lĩnh B	**2**	2		
27	Tây Đằng	**0**	0		
28	Tiên Phong	**2**	2		
29	Tòng Bạt	**9**	9		
30	TTNC Bò &ĐC	**0**	0		
31	Thái Hòa	**0**	0		
32	Thuần Mỹ	**8**	8		
33	Thụy An	**0**	0		
34	Vạn Thắng	**0**	0		
35	Vân Hòa A	**5**	5		
36	Vân Hòa B	**3**	3		
37	Vật Lại	**6**	6		
38	Yên Bài A	**3**	3		
39	Yên Bài B	**2**	2		
40	1-6	**0**	0		
41	Tản Viên	**0**	0		

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI MẦM NON

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
QUẬN BẮC TỪ LIÊM

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	CHỈ TIÊU GIÁO VIÊN ĐỨNG LỚP (Giáo viên mầm non hạng IV, mã V.07.02.06)	CHỈ TIÊU NHÂN VIÊN	
				CHỨC DANH, NGẠCH CẦN TUYỂN	
				Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư (mã số 02.008)
	TỔNG	**42**	**42**	**0**	**0**
1	MN Cổ Nhuế 1	**0**			
2	MN Cổ Nhuế 2	**0**			
3	MN Đông Ngạc A	**2**	2		
4	MN Đông Ngạc B	**7**	7		
5	MN Hồ Tùng Mậu	**0**			
6	MN Kiều Mai	**4**	4		
7	MN Liên Mạc	**0**			
8	MN Minh Khai	**3**	3		
9	MN Phú Diễn	**0**			
10	MN Phúc Diễn	**0**			
11	MN Tây Tựu	**3**	3		
12	MN Thụy Phương	**7**	7		
13	MN Thượng Cát	**0**			
14	MN Xuân Đỉnh A	**3**	3		
15	MN Xuân Đỉnh B	**10**	10		
16	MN Xuân Tảo	**0**			
17	MN Phúc Lý	**3**	3		

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI MẦM NON

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
QUẬN CẦU GIẤY

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	CHỈ TIÊU GIÁO VIÊN ĐỨNG LỚP (Giáo viên mầm non hạng IV, mã V.07.02.06)	CHỈ TIÊU NHÂN VIÊN	
				CHỨC DANH, NGẠCH CẦN TUYỂN	
				Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư (mã số 02.008)
	TỔNG	**105**	**105**	**0**	**0**
1	Mầm non Ánh Sao	**8**	8		
2	Mầm non Dịch Vọng Hậu	**6**	6		
3	Mầm non Dịch Vọng	**9**	9		
4	Mầm non Hoa Hồng	**11**	11		
5	Mầm non Hoa Mai	**3**	3		
6	Mầm non Họa Mi	**17**	17		
7	Mầm non Mai Dịch	**0**	0		
8	Mầm non Nghĩa Đô	**0**	0		
9	Mầm non Quan Hoa	**5**	5		
10	Mầm non Sao Mai	**10**	10		
11	Mầm non Sơn Ca	**10**	10		
12	Mầm non Trung Hòa	**10**	10		
13	Mầm non Tuổi Hoa	**4**	4		
14	Mầm non Yên Hòa	**12**	12		

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI MẦM NON

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN CHƯƠNG MỸ

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	CHỈ TIÊU GIÁO VIÊN ĐỨNG LỚP (Giáo viên mầm non hạng IV, mã V.07.02.06)	CHỈ TIÊU NHÂN VIÊN CHỨC DANH, NGẠCH CẦN TUYỂN	
				Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư (mã số 02.008)
	TỔNG	**34**	**34**	**0**	**0**
1	MN Chúc Sơn A	**0**	0		
2	MN Chúc Sơn B	**0**	0		
3	MN Đại Yên	**0**			
4	MN Đồng Lạc	**2**	2		
5	MN Đồng Phú	**0**			
6	MN Đông Phương Yên	**1**	1		
7	MN Đông Sơn	**1**	1		
8	MN Hoà Chính	**0**	0		
9	MN Hoàng Diệu	**0**			
10	MN Hoàng Văn Thụ	**3**	3		
11	MN Hồng Phong	**0**			
12	MN Hợp Đồng	**0**	0		
13	MN Hữu Văn	**2**	2		
14	MN Huyện	**0**	0		
15	MN Lam Điền	**0**			
16	MN Mỹ Lương	**4**	4		
17	MN Nam Phương Tiến	**4**	4		
18	MN Ngọc Hoà	**0**	0		
19	MN Phú Nam An	**0**			
20	MN Phú Nghĩa	**0**	0		
21	MN Phụng Châu	**0**	0		
22	MN Quảng Bị	**0**			
23	MN Tân Tiến	**0**	0		
24	MN Thanh Bình	**1**	1		
25	MN Thượng Vực	**0**	0		
26	MN Thuỵ Hương	**0**	0		
27	MN Thuỷ Xuân Tiên	**0**	0		
28	MN Tiên Phương	**0**	0		
29	MN Tốt Động	**0**	0		
30	MN Trần Phú	**8**	8		
31	MN Trung Hoà	**4**	4		
32	MN Trường Yên	**0**			
33	MN Văn Mỹ	**4**	4		
34	MN Văn Võ	**0**			
35	MN Xuân Mai	**0**	0		

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI MẦM NON

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	CHỈ TIÊU GIÁO VIÊN ĐỨNG LỚP (Giáo viên mầm non hạng IV, mã V.07.02.06)	CHỈ TIÊU NHÂN VIÊN	
				CHỨC DANH, NGẠCH CẦN TUYỂN	
				Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư (mã số 02.008)
	TỔNG	**180**	**180**	**0**	**0**
1	Mầm non Huyện	**10**	10		
2	MN TT Phùng	**1**	1		
3	MN Đan Phượng	**12**	12		
4	MN Song Phượng	**11**	11		
5	MN Đồng Tháp	**17**	17		
6	MN Phương Đình	**10**	10		
7	MN Thọ Xuân	**18**	18		
8	MN Thọ An	**8**	8		
9	MN Trung Châu	**9**	9		
10	MN Hồng Hà	**13**	13		
11	MN Liên Hồng	**7**	7		
12	MN Liên Hà	**0**	0		
13	MN Liên Trung	**7**	7		
14	MN Thượng Mỗ	**10**	10		
15	MN Hạ Mỗ	**13**	13		
16	MN Tân Hội	**19**	19		
17	MN Tân Lập	**15**	15		

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI MẦM NON

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN ĐÔNG ANH

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	CHỈ TIÊU GIÁO VIÊN ĐỨNG LỚP (Giáo viên mầm non hạng IV, mã V.07.02.06)	CHỈ TIÊU NHÂN VIÊN	
				CHỨC DANH, NGẠCH CẦN TUYỂN	
				Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư (mã số 02.008)
	TỔNG	**134**	**134**	**0**	
1	MN Ánh Dương	**3**	3		
2	MN Bắc Hồng	**2**	2		
3	MN Ban Mai	**4**	4		
4	MN Cổ Loa	**0**			
5	MN Đại Mạch	**4**	4		
6	MN Dục Tú	**0**			
7	MN Đông Hội	**2**	2		
8	MN Hải Bối	**3**	3		
9	MN Hoa Lâm	**0**			
10	MN Hoa Mai	**8**	8		
11	MN Họa My	**0**			
12	MN Hoa Sen	**0**			
13	MN Hoa Sữa	**3**	3		
14	MN Kim Chung A	**9**	9		
15	MN Kim Chung	**7**	7		
16	MN Kim Nỗ	**3**	3		
17	MN Liên Hà	**0**			
18	MN Mai Lâm	**0**			
19	MN Nam Hồng	**3**	3		
20	MN Nắng Hồng	**5**	5		
21	MN Nguyên Khê	**1**	1		
22	MN Sao Mai	**0**			
23	MN Tàm Xá	**3**	3		
24	MN Thành Loa	**4**	4		
25	MN Thụy Lâm	**10**	10		
26	MN Thư Lâm	**15**	15		
27	MN Tiên Dương	**0**			
28	MN Tuổi Thơ	**2**	2		
29	MN Uy Nỗ	**0**			
30	MN Vân Hà	**8**	8		
31	MN Vân Nội	**1**	1		
32	MN Việt Hùng	**4**	4		
33	MN Vĩnh Ngọc	**1**	1		
34	MN Võng La	**14**	14		
35	MN Xuân Canh	**5**	5		
36	MN Xuân Nộn	**10**	10		

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI MẦM NON

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
QUẬN ĐỐNG ĐA

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	CHỈ TIÊU GIÁO VIÊN ĐỨNG LỚP (Giáo viên mầm non hạng IV, mã V.07.02.06)	CHỈ TIÊU NHÂN VIÊN	
				CHỨC DANH, NGẠCH CẦN TUYỂN	
				Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư (mã số 02.008)
	TỔNG	**100**	**100**	**0**	**0**
1	Mầm non Bình Minh	0			
2	Mầm non Cát Linh	1	1		
3	Mầm non Đống Đa	3	3		
4	Mầm non Họa My	4	4		
5	Mầm non Hoa Hồng	2	2		
6	Mầm non Hoa Mai	6	6		
7	Mầm non Hoa Sen	4	4		
8	Mầm non Hoa Sữa	0	0		
9	Mầm non Kim Đồng	3	3		
10	Mầm non Kim Liên	10	10		
11	Mầm non Láng Thượng	5	5		
12	Mầm non Mầm Xanh	3	3		
13	Mầm non Nắng Hồng	0			
14	Mầm non Ngã Tư Sở	13	13		
15	Mầm non Phương Liên	5	5		
16	Mầm non Phương Mai	13	13		
17	Mầm non Quang Trung	5	5		
18	Mầm non Sao Mai	6	6		
19	Mầm non Sơn Ca	4	4		
20	Mầm non Tây Sơn	2	2		
21	Mầm non Trung Phụng	4	4		
22	Mầm non Trung Tự	4	4		
23	Mầm non Tuổi Hoa	0			
24	Mầm non Văn Chương	0			
25	Mầm non Văn Hương	0			
26	Mầm non Văn Miếu	1	1		
27	Mầm non Vĩnh Hồ	2	2		

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI MẦM NON

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN GIA LÂM

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	CHỈ TIÊU GIÁO VIÊN ĐỨNG LỚP (Giáo viên mầm non hạng IV, mã V.07.02.06)	CHỈ TIÊU NHÂN VIÊN	
				CHỨC DANH, NGẠCH CẦN TUYỂN	
				Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư (mã số 02.008)
	TỔNG	**75**	**75**	**0**	**0**
1	MN Bát Tràng	**9**	9		
2	MN Bình Minh	**1**	1		
3	MN Cổ Bi	**1**	1		
4	MN Dương Hà	**2**	2		
5	MN Dương Quang	**4**	4		
6	MN Dương Xá	**5**	5		
7	MN Đa Tốn	**0**			
8	MN Đặng Xá	**2**	2		
9	MN Đình Xuyên	**2**	2		
10	MN Đông Dư	**4**	4		
11	MN Hoa Hồng	**5**	5		
12	MN Hoa Phượng	**0**			
13	MN Hoa Sữa	**3**	3		
14	MN Kiêu Kỵ	**0**			
15	MN Kim Lan	**3**	3		
16	MN Kim Sơn	**5**	5		
17	MN Lệ Chi	**2**	2		
18	MN Ninh Hiệp	**0**			
19	MN Phù Đổng	**0**			
20	MN Phú Thị	**5**	5		
21	MN Quang Trung	**0**			
22	MN TT Trâu Quỳ	**1**	1		
23	MN TT Yên Viên	**14**	14		
24	MN Trung Mầu	**3**	3		
25	MN Văn Đức	**3**	3		
26	MN Yên Thường	**1**	1		

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI MẦM NON

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
QUẬN HÀ ĐÔNG

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	CHỈ TIÊU GIÁO VIÊN ĐỨNG LỚP (Giáo viên mầm non hạng IV, mã V.07.02.06)	CHỈ TIÊU NHÂN VIÊN CHỨC DANH, NGẠCH CẦN TUYỂN	
				Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư (mã số 02.008)
	TỔNG	**177**	**177**	**0**	**0**
1	Hoa Hồng	**0**	0		
2	MN 3/2	**0**	0		
3	Dương Nội	**7**	7		
4	Vạn Phúc	**2**	2		
5	Quang Trung	**2**	2		
6	Yên Hòa	**1**	1		
7	Mậu Lương	**7**	7		
8	Văn Khê	**0**	0		
9	Phú Lương	**0**	0		
10	Đồng Mai	**0**	0		
11	Hà Cầu	**0**	0		
12	Phú Lãm	**0**	0		
13	Hà Trì	**4**	4		
14	Yên Nghĩa	**0**	0		
15	Phú Lương I	**0**	0		
16	Búp Sen Hồng	**5**	5		
17	Phú La	**3**	3		
18	Sơn Ca	**3**	3		
19	Ánh Dương	**6**	6		
20	Hàng Đào	**12**	12		
21	Phú Lương II	**0**	0		
22	Biên Giang	**0**	0		
23	Hoa Sen	**0**	0		
24	Đồng Dương	**0**	0		
25	Yết Kiêu	**3**	3		
26	Kiến Hưng	**2**	2		
27	La Dương	**8**	8		
28	Hoạ My	**3**	3		
29	Bình Minh	**10**	10		
30	Hương Sen	**5**	5		
31	Lê Trọng Tấn	**17**	17		
32	Yên Nghĩa I	**5**	5		
33	Huyền Kỳ	**8**	8		
34	Hoàng Hanh	**7**	7		
35	Lê Quý Đôn	**16**	16		
36	Hoa Mai	**1**	1		
37	Nguyễn Trãi	**2**	2		
38	Sen Hồng	**12**	12		
39	Trần Quốc Toản	**22**	22		
40	Hòa Bình	**1**	1		
41	La Khê	**2**	2		
42	Kim Đồng	**1**	1		

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI MẦM NON

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
QUẬN HAI BÀ TRƯNG

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	CHỈ TIÊU GIÁO VIÊN ĐỨNG LỚP (Giáo viên mầm non hạng IV, mã V.07.02.06)	CHỈ TIÊU NHÂN VIÊN	
				CHỨC DANH, NGẠCH CẦN TUYỂN	
				Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư (mã số 02.008)
	TỔNG	**196**	**196**	**0**	**0**
1	MG Bách Khoa	14	14		
2	MG Chim Non	7	7		
3	MG Sao Sáng	4	4		
4	MG Bùi Thị Xuân	4	4		
5	MG Nguyễn Công Trứ	11	11		
6	MG Bạch Mai	6	6		
7	MN Ánh Sao	11	11		
8	MN Lê Quý Đôn	7	7		
9	MN Lạc Trung	2	2		
10	MN Hoa Thuỷ Tiên	4	4		
11	MN Bách Khoa	7	7		
12	MN Nguyễn Công Trứ	5	5		
13	MN Minh Khai	5	5		
14	MN 8/3	11	11		
15	MN Hoa Phượng	3	3		
16	MN Tuổi Hoa	11	11		
17	MN Vĩnh Tuy	5	5		
18	MG Đống Mác	1	1		
19	MN Đồng Tâm	0	0		
20	MN Quỳnh Mai	5	5		
21	MN Ngô Thì Nhậm	0	0		
22	MN Quỳnh Lôi	2	2		
23	MN Trương Định	6	6		
24	MN Việt - Bun	12	12		
25	MN Thanh Nhàn	5	4		
26	MN Lê Đại Hành	11	11		
27	MN Hoa Hồng	3	3		
28	MN Vân Hồ	10	10		
29	MN Bạch Đằng	10	10		
30	MN Thanh Lương	15	15		

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI MẦM NON

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN HOÀI ĐỨC

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	CHỈ TIÊU GIÁO VIÊN ĐỨNG LỚP (Giáo viên mầm non hạng IV, mã V.07.02.06)	CHỈ TIÊU NHÂN VIÊN CHỨC DANH, NGẠCH CẦN TUYỂN	
				Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư (mã số 02.008)
	TỔNG	**89**	**89**	**0**	**0**
1	10/10	**0**	0		
2	An Khánh A	**0**	0		
3	An Khánh B	**4**	4		
4	An Khánh C	**6**	6		
5	An Thượng A	**4**	4		
6	An Thượng B	**4**	4		
7	Cát quế A	**5**	5		
8	Cát quế B	**7**	7		
9	Đắc Sở	**1**	1		
10	Di Trạch	**3**	3		
11	Đông La	**0**	0		
12	Đức Giang A	**3**	3		
13	Đức Giang B	**2**	2		
14	Đức Thượng	**2**	2		
15	Dương Liễu	**5**	5		
16	Hoa Sen	**4**	4		
17	Kim Chung	**4**	4		
18	La Phù	**7**	7		
19	Lại Yên	**0**	0		
20	Minh Khai	**0**	0		
21	Sơn Đồng	**0**	0		
22	Song Phương A	**2**	2		
23	Song Phương B	**3**	3		
24	Tiền Yên A	**1**	1		
25	Tiền Yên B	**4**	4		
26	Vân Canh	**12**	12		
27	Vân Côn A	**2**	2		
28	Vân Côn B	**0**	0		
29	Vân Côn C	**4**	4		
30	Yên Sở	**0**	0		

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI MẦM NON

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
QUẬN HOÀN KIẾM

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	CHỈ TIÊU GIÁO VIÊN ĐỨNG LỚP (Giáo viên mầm non hạng IV, mã V.07.02.06)	CHỈ TIÊU NHÂN VIÊN CHỨC DANH, NGẠCH CẦN TUYỂN	
				Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư (mã số 02.008)
	TỔNG	**76**	**76**	**0**	**0**
1	MN Tuổi Hoa	**11**	11		
2	MN Hoa Sen	**6**	6		
3	MG Quang Trung	**5**	5		
4	MN Bà Triệu	**0**			
5	MN Tháng Tám	**6**	6		
6	MG Tuổi Thơ	**1**	1		
7	MN Chim Non	**5**	5		
8	MN Nắng Mai	**3**	3		
9	MG Mầm Non A	**7**	7		
10	MN Bình Minh	**8**	8		
11	MN Đinh Tiên Hoàng	**3**	3		
12	MN Họa Mi	**7**	7		
13	MN 1/6	**5**	5		
14	MN Lý Thường Kiệt	**2**	2		
15	MG Măng Non	**1**	1		
16	MG Hoa Hồng	**2**	2		
17	MN Sao Sáng	**2**	2		
18	MN Sao Mai	**2**	2		

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI MẦM NON

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
QUẬN HOÀNG MAI

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	CHỈ TIÊU GIÁO VIÊN ĐỨNG LỚP (Giáo viên mầm non hạng IV, mã V.07.02.06)	CHỈ TIÊU NHÂN VIÊN CHỨC DANH, NGẠCH CẦN TUYỂN	
				Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư (mã số 02.008)
	TỔNG	**56**	**56**	**0**	**0**
1	Mầm non Mai Động	**1**	1		
2	Mầm non Trần Phú	**0**			
3	Mầm non Hoàng Liệt	**12**	12		
4	Mầm non Yên Sở	**3**	3		
5	Mầm non Định Công	**0**			
6	Mầm non Hoa Hồng	**2**	2		
7	Mầm non Hoàng Văn Thụ	**0**			
8	Mầm non Sơn Ca	**3**	3		
9	Mầm non Lĩnh Nam	**10**	10		
10	Mầm non Hoa Mai	**0**			
11	Mầm non Tuổi Thơ	**0**			
12	Mầm non Thịnh Liệt	**0**			
13	Mầm non Hoa Sữa	**12**	12		
14	Mầm non Bình Minh	**3**	3		
15	Mầm non Giáp Bát	**0**			
16	Mầm non 10-10	**2**	2		
17	Mầm non Thanh Trì	**0**			
18	Mầm non Vĩnh Hưng	**0**			
19	Mẫu giáo Tương Mai	**0**			
20	Mầm non Tân Mai	**2**	2		
21	Mầm non Đại Kim	**6**	6		

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI MẦM NON

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
QUẬN LONG BIÊN

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	CHỈ TIÊU GIÁO VIÊN ĐỨNG LỚP (Giáo viên mầm non hạng IV, mã V.07.02.06)	CHỈ TIÊU NHÂN VIÊN	
				CHỨC DANH, NGẠCH CẦN TUYỂN	
				Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư (mã số 02.008)
	TỔNG	**231**	**231**	**0**	**0**
1	Bồ Đề	**10**	10		
2	Hồng Tiến	**22**	22		
3	Thạch Bàn	**10**	10		
4	Phúc Đồng	**11**	11		
5	Tân Mai	**4**	4		
6	Gia Thụy	**0**			
7	Long Biên	**6**	6		
8	Hoa Thủy Tiên	**9**	9		
9	Hoa Sữa	**5**	5		
10	Ngọc thụy	**8**	**8**		
11	Thượng Thanh	**7**	7		
12	Gia Quất	**6**	6		
13	Đức Giang	**3**	3		
14	Sơn Ca	**2**	2		
15	Việt Hưng	**7**	7		
16	Gia Thượng	**12**	12		
17	Giang Biên	**12**	12		
18	Hoa Sen	**2**	2		
19	Hoa Mai	**2**	2		
20	Ánh Sao	**1**	1		
21	Chim én	**14**	14		
22	Tuổi Hoa	**21**	21		
23	Đô thị Việt Hưng	**4**	4		
24	Bắc Biên	**12**	12		
25	Thạch Cầu	**8**	8		
26	Phúc Lợi	**4**	4		
27	Hoa Phượng	**6**	6		
28	Cự Khối	**2**	2		
29	Bắc Cầu	**3**	3		
30	Tràng An	**18**	18		

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI MẦM NON

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN MÊ LINH

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	CHỈ TIÊU GIÁO VIÊN ĐỨNG LỚP (Giáo viên mầm non hạng IV, mã V.07.02.06)	CHỈ TIÊU NHÂN VIÊN	
				CHỨC DANH, NGẠCH CẦN TUYỂN	
				Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư (mã số 02.008)
	TỔNG	**180**	**180**	**0**	**0**
1	Chi Đông	**6**	6		
2	Chu Phan	**17**	17		
3	Đại Thịnh	**10**	10		
4	Hoàng Kim	**3**	3		
5	Kim Hoa	**13**	13		
6	Liên Mạc	**8**	8		
7	Mê Linh	**0**			
8	Quang Minh A	**0**			
9	Quang Minh B	**6**	6		
10	Tam Đồng	**19**	19		
11	Tiền Phong A	**10**	10		
12	Tiền Phong B	**10**	10		
13	Tiến Thắng	**6**	6		
14	Tiến Thịnh	**15**	15		
15	Tự Lập	**14**	14		
16	Thạch Đà A	**0**			
17	Thạch Đà B	**7**	7		
18	Thanh Lâm	**8**	8		
19	Tráng Việt	**13**	13		
20	Vạn Yên	**4**	4		
21	Văn Khê	**11**	11		

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI MẦM NON

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN MỸ ĐỨC

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	CHỈ TIÊU GIÁO VIÊN ĐỨNG LỚP (Giáo viên mầm non hạng IV, mã V.07.02.06)	CHỈ TIÊU NHÂN VIÊN	
				CHỨC DANH, NGẠCH CẦN TUYỂN	
				Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư (mã số 02.008)
	TỔNG	**99**	**99**	**0**	**0**
1	Đồng Tâm	**3**	3		
2	Thượng Lâm	**6**	6		
3	Phúc Lâm	**9**	9		
4	Tuy Lai A	**0**	0		
5	Tuy Lai B	**0**	0		
6	Bột Xuyên	**0**	0		
7	An Mỹ	**1**	1		
8	Mỹ Thành	**0**	0		
9	Lê Thanh A	**0**	0		
10	Lê Thanh B	**0**	0		
11	Hồng Sơn	**0**	0		
12	Xuy Xá	**2**	2		
13	Phùng Xá	**2**	2		
14	Phù Lưu Tế	**0**	0		
15	Tế Tiêu	**5**	5		
16	Đại Nghĩa	**4**	4		
17	Đại Hưng	**5**	5		
18	Vạn Kim	**8**	8		
19	Đốc Tín	**0**	0		
20	Hương Sơn	**18**	18		
21	Hùng Tiến	**10**	10		
22	An Tiến	**8**	8		
23	Hợp Tiến	**8**	8		
24	Hợp Thanh	**5**	5		
25	An Phú A	**5**	5		
26	An Phú B	**0**	0		

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI MẦM NON

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
QUẬN NAM TỪ LIÊM
(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	CHỈ TIÊU GIÁO VIÊN ĐỨNG LỚP (Giáo viên mầm non hạng IV, mã V.07.02.06)	CHỈ TIÊU NHÂN VIÊN	
				CHỨC DANH, NGẠCH CẦN TUYỂN	
				Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư (mã số 02.008)
	TỔNG	**108**	**108**	**0**	**0**
1	MN Mễ Trì	**8**	8		
2	MN Trung Văn	**27**	27		
3	MN Phùng Khoang	**2**	2		
4	MN Đại Mỗ A	7	7		
5	MN Đại Mỗ B	**19**	19		
6	MN Tây Mỗ A	**6**	6		
7	MN Phương Canh	**15**	15		
8	MN Xuân Phương	7	7		
9	MN Tây Mỗ B	**0**			
10	MN Phú Đô	**0**			
11	MN Mỹ Đình 1	**8**	8		
12	MN Mỹ Đình 2	**9**	9		

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI MẦM NON

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN PHÚ XUYÊN

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	CHỈ TIÊU GIÁO VIÊN ĐỨNG LỚP (Giáo viên mầm non hạng IV, mã V.07.02.06)	CHỈ TIÊU NHÂN VIÊN CHỨC DANH, NGẠCH CẦN TUYỂN	
				Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư (mã số 02.008)
	TỔNG	**107**	**107**	**0**	**0**
1	MN Hồng Minh	**0**			
2	MN Tri Trung	**0**			
3	MN Hoàng Long	**0**			
4	MN Phú Túc	**0**			
5	MN Phượng Dực	**0**			
6	MN Văn Hoàng	**0**			
7	MN Chuyên Mỹ	**4**	4		
8	MNTân Dân	**2**	2		
9	MN Quang Trung	**4**	4		
10	MN Đại Thắng	**0**			
11	MN Sơn Hà	**5**	5		
12	MN TT Phú Xuyên	**5**	5		
13	MN Trung Tâm	**0**			
14	MN Phúc Tiến	**6**	6		
15	MN Nam Triều	**0**			
16	MN Nam Phong	**0**			
17	MN Văn Nhân	**0**			
18	MN Hồng Thái	**5**	5		
19	MN Thụy Phú	**6**	6		
20	MN TT Phú Minh	**2**	2		
21	MN Sao Mai	**2**	2		
22	MN Vân Từ	**3**	3		
23	MN Phú Yên	**9**	9		
24	MN Châu Can	**26**	26		
25	MN Đại Xuyên	**11**	11		
26	MN Tri Thủy	**7**	7		
27	MN Bạch Hạ	**5**	5		
28	MN Quang Lãng	**0**			
29	MN Khai Thái	**5**	5		
30	MN Minh Tân	**0**			

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI MẦM NON

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN PHÚC THỌ

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	CHỈ TIÊU GIÁO VIÊN ĐỨNG LỚP (Giáo viên mầm non hạng IV, mã V.07.02.06)	CHỈ TIÊU NHÂN VIÊN CHỨC DANH, NGẠCH CẦN TUYỂN	
				Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư (mã số 02.008)
	TỔNG	**191**	**191**	**0**	**0**
1	Thị trấn Phúc Thọ	**5**	5		
2	Liên Hiệp	**24**	24		
3	Hiệp Thuận	**18**	18		
4	Tam Hiệp	**16**	16		
5	Ngọc Tảo	**9**	9		
6	Phụng Thượng	**6**	6		
7	Hoa Mai	**3**	3		
8	Trạch Mỹ Lộc	**5**	5		
9	Thọ Lộc	**7**	7		
10	Tích Giang	**4**	4		
11	Sen Chiểu	**5**	5		
12	Võng Xuyên A	**5**	5		
13	Võng Xuyên B	**5**	5		
14	Long Xuyên	**9**	9		
15	Thượng Cốc	**8**	8		
16	Xuân Phú	**14**	14		
17	Vân Phúc	**0**	0		
18	Vân Nam	**6**	6		
19	Hát Môn	**9**	9		
20	Thanh Đa	**10**	10		
21	Tam Thuấn	**8**	8		
22	Phúc Hoà	**8**	8		
23	Phương Độ	**1**	1		
24	Cẩm Đình	**2**	2		
25	Vân Hà	**4**	4		

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI MẦM NON

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN QUỐC OAI

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	CHỈ TIÊU GIÁO VIÊN ĐỨNG LỚP (Giáo viên mầm non hạng IV, mã V.07.02.06)	CHỈ TIÊU NHÂN VIÊN	
				CHỨC DANH, NGẠCH CẦN TUYỂN	
				Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư (mã số 02.008)
	TỔNG	**105**	**105**	**0**	**0**
1	MN Huyện	**0**			
2	MN Sài sơn A	**5**	5		
3	MN Sài sơn B	**12**	12		
4	MN Phượng cách	**5**	5		
5	MN Yên Sơn	**8**	8		
6	MN Thị Trấn A	**0**			
7	MN Thị Trấn B	**3**	3		
8	MN Đồng Quang	**7**	7		
9	MN Cộng Hòa	**1**	1		
10	MN Tân Hòa	**7**	7		
11	MN Tân Phú	**6**	6		
12	MN Đại thành	**4**	4		
13	MN Thạch Thán	**0**			
14	MN Ngọc Mỹ	**11**	11		
15	MN Nghĩa Hương	**5**	5		
16	MN Cấn hữu	**9**	9		
17	MN Đông Yên A	**4**	4		
18	MN Đông Yên B	**4**	4		
19	MN Hòa Thạch	**0**			
20	MN Long phú	**0**			
21	MN Phú Cát	**0**			
22	MN Phú Mãn	**0**			
23	MN Đông Xuân	**0**			
24	MN Tuyết Nghĩa	**10**	10		
25	MN Ngọc Liệp	**4**	4		
26	MN Liệp Tuyết	**0**			

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI MẦM NON

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN SÓC SƠN

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	CHỈ TIÊU GIÁO VIÊN ĐỨNG LỚP (Giáo viên mầm non hạng IV, mã V.07.02.06)	CHỈ TIÊU NHÂN VIÊN	
				CHỨC DANH, NGẠCH CẦN TUYỂN	
				Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư (mã số 02.008)
	TỔNG	**206**	**206**	**0**	**0**
1	MN Liên cơ	**0**			
2	MN thị trấn Sóc Sơn	**0**			
3	MN Bắc Sơn	**20**	20		
4	MN Nam Sơn	**9**	9		
5	MN Hồng Kỳ A	**5**	5		
6	MN Hồng Kỳ B	**3**	3		
7	MN Trung Giã	**16**	16		
8	MN Tân Hưng	**13**	13		
9	MN Bắc Phú	**6**	6		
10	MN Tân Minh A	**8**	8		
11	MN Tân Minh B	**3**	3		
12	MN Phù Linh A	**6**	6		
13	MN Phù Linh B	**0**			
14	MN Tiên Dược A	**0**			
15	MN Tiên Dược B	**0**			
16	MN Đức Hoà	**5**	5		
17	MN Việt Long	**7**	7		
18	MN Xuân Giang	**1**	1		
19	MN Xuân Thu	**8**	8		
20	MN Kim Lũ	**11**	11		
21	MN Đông Xuân	**5**	5		
22	MN Phù Lỗ	**3**	3		
23	MN Phú Minh	**8**	8		
24	MN Phú Cường A	**9**	9		
25	MN Phú Cường B	**8**	8		
26	MN Thanh Xuân	**6**	6		
27	MN Tân Dân	**0**			
28	MN Minh Phú	**0**			
29	MN Minh Trí A	**13**	13		
30	MN Minh Trí B	**8**	8		
31	MN Hiền Ninh	**11**	11		
32	MN Quang Tiến	**6**	6		
33	MN Mai Đình A	**1**	1		
34	MN Mai Đình B	**7**	7		

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI MẦM NON

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
THỊ XÃ SƠN TÂY

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	CHỈ TIÊU GIÁO VIÊN ĐỨNG LỚP (Giáo viên mầm non hạng IV, mã V.07.02.06)	CHỈ TIÊU NHÂN VIÊN	
				CHỨC DANH, NGẠCH CẦN TUYỂN	
				Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư (mã số 02.008)
	TỔNG	**76**	**76**	**0**	**0**
1	Mầm non Sơn Ca	**0**	0		
2	Mầm non Họa Mi	**3**	3		
3	Mầm non Đường Lâm	**6**	6		
4	Mầm non Cổ Đông	**13**	13		
5	Mầm non Kim Sơn	**4**	4		
6	Mầm non Phú Thịnh	**4**	4		
7	Mầm non Quang Trung	**2**	2		
8	Mầm non Sơn Đông	**17**	17		
9	Mầm non Sơn Lộc	**0**	0		
10	Mầm non Thanh Mỹ	**3**	3		
11	Mầm non Trung Hưng	**0**	0		
12	Mầm non Trung Sơn Trầm	**0**	0		
13	Mầm non Viên Sơn	**9**	9		
14	Mầm non Xuân Khanh	**5**	5		
15	Mầm non Xuân Sơn	**10**	10		

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI MẦM NON

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
QUẬN TÂY HỒ

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	CHỈ TIÊU GIÁO VIÊN ĐỨNG LỚP (Giáo viên mầm non hạng IV, mã V.07.02.06)	CHỈ TIÊU NHÂN VIÊN CHỨC DANH, NGẠCH CẦN TUYỂN	
				Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư (mã số 02.008)
	TỔNG	**27**	**27**	**0**	**0**
1	Mầm non Xuân La	**13**	13		
2	Mầm non Bình Minh	**0**			
3	Mầm non Chu Văn An	**0**			
4	Mầm non Đoàn Thị Điểm	**5**	5		
5	Mầm non Phú Thượng	**2**	2		
6	Mầm non Nhật Tân	**2**	2		
7	Mầm non Quảng An	**0**			
8	Mầm non Tứ Liên	**3**	3		
9	Mầm non An Dương	**2**	2		

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI MẦM NON

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN THẠCH THẤT

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	CHỈ TIÊU GIÁO VIÊN ĐỨNG LỚP (Giáo viên mầm non hạng IV, mã V.07.02.06)	CHỈ TIÊU NHÂN VIÊN CHỨC DANH, NGẠCH CẦN TUYỂN	
				Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư (mã số 02.008)
	TỔNG	**65**	**65**	**0**	0
1	MN 19.5	**3**	3		
2	MN Bình Phú A	**2**	2		
3	MN Bình Phú B	**1**	1		
4	MN Bình Yên A	**0**	0		
5	MN Bình Yên B	**0**	0		
6	MN Cẩm Yên	**8**	8		
7	MN Cần Kiệm	**0**	0		
8	MN Chàng Sơn	**4**	4		
9	MN Đại Đồng	**0**	0		
10	MN Dị Nậu	**0**	0		
11	MN Đồng Trúc	**4**	4		
12	MN Hạ Bằng	**2**	2		
13	MN Hương Ngải	**0**	0		
14	MN Hữu Bằng	**11**	11		
15	MN Kim Quan	**4**	4		
16	MN Lại Thượng	**0**	0		
17	MN Liên Quan	**1**	1		
18	MN Minh Hà	**0**	0		
19	MN Phú Kim	**5**	5		
20	MN Phùng Xá	**1**	1		
21	MN Tân Xã	**3**	3		
22	MN Thạch Hòa	**6**	6		
23	MN Thạch Xá	**0**	0		
24	MN Tiến Xuân	**0**	0		
25	MN Yên Bình	**5**	5		
26	MN Yên Trung	**5**	5		

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI MẦM NON

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN THANH TRÌ

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	CHỈ TIÊU GIÁO VIÊN ĐỨNG LỚP (Giáo viên mầm non hạng IV, mã V.07.02.06)	CHỈ TIÊU NHÂN VIÊN	
				CHỨC DANH, NGẠCH CẦN TUYỂN	
				Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư (mã số 02.008)
	TỔNG	**201**	**201**	**0**	**0**
1	Mầm non A xã Thanh Liệt	**10**	10		
2	Mầm non B xã Thanh Liệt	**8**	8		
3	Mầm non A xã Đông Mỹ	**5**	5		
4	Mầm non B xã Đông Mỹ	**2**	2		
5	Mầm non A xã Ngũ Hiệp	**1**	1		
6	Mầm non B xã Ngũ Hiệp	**9**	9		
7	Mầm non A xã Tứ Hiệp	**8**	8		
8	Mầm non B xã Tứ Hiệp	**4**	4		
9	Mầm non A xã Liên Ninh	**2**	2		
10	Mầm non B xã Liên Ninh	**3**	3		
11	Mầm non A xã Vạn Phúc	**6**	6		
12	Mầm non B xã Vạn Phúc	**2**	2		
13	Mầm non Tả Thanh Oai A	**16**	16		
14	Mầm non Tả Thanh Oai B	**11**	11		
15	Mầm non A xã Ngọc Hồi	**4**	4		
16	Mầm non B xã Ngọc Hồi	**6**	6		
17	Mầm non xã Tân Triều	**18**	18		
18	Mầm non Yên Xá	**5**	5		
19	Mầm non xã Hữu Hòa	**11**	11		
20	Mầm non xã Đại Áng	**4**	4		
21	Mầm non xã Vĩnh Quỳnh	**18**	18		
22	Mầm non Quỳnh Đô	**11**	11		
23	Mầm non xã Yên Mỹ	**2**	2		
24	Mầm non xã Duyên Hà	**5**	5		
25	Mầm non Huỳnh Cung	**4**	4		
26	Mầm non Tựu Liệt xã Tam Hiệp	**5**	5		
27	Mầm non Yên Ngưu	**6**	6		
28	Mầm non A thị trấn Văn Điển	**7**	7		
29	Mầm non B thị trấn Văn Điển	**3**	3		
30	Mầm non C thị trấn Văn Điển	**5**	5		

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI MẦM NON

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
QUẬN THANH XUÂN

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	CHỈ TIÊU GIÁO VIÊN ĐỨNG LỚP (Giáo viên mầm non hạng IV, mã V.07.02.06)	CHỈ TIÊU NHÂN VIÊN CHỨC DANH, NGẠCH CẦN TUYỂN	
				Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư (mã số 02.008)
	TỔNG	**85**	**85**	**0**	**0**
1	Thanh Xuân Bắc	**12**	12		
2	Tuổi Thần Tiên	**1**	1		
3	Tuổi Thơ	**2**	2		
4	Sơn Ca	**15**	15		
5	Tuổi Hoa	**0**			
6	Tràng An	**3**	3		
7	Ánh Sao	**0**			
8	Hoa Hồng	**1**	1		
9	Họa My	**3**	3		
10	Thanh Xuân Nam	**20**	20		
11	Thanh Xuân Trung	**17**	17		
12	Thăng Long	**8**	8		
13	Sao Sáng	**0**			
14	Khương Trung	**1**	1		
15	Khương Đình	**1**	1		
16	Nhân Chính	**1**	1		
17	Phương Liệt	**0**			

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI TIỂU HỌC

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Đơn vị	Biên chế được giao		Số có mặt tới 31/12/2018		Số thiếu		Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu giáo viên đứng lớp (Giáo viên Tiểu học, mã số V.07.03.09)							Chỉ tiêu nhân viên				
		Viên chức giáo viên	Viên chức nhân viên	Viên chức giáo viên	Viên chức nhân viên	Viên chức giáo viên	Viên chức nhân viên		Tổng chỉ tiêu giáo viên	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tiếng Anh	GD thể chất	Tin học	Tổng chỉ tiêu nhân viên	Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán	Văn thư mã số 02.008	Y tế
	TỔNG	**27111**	**2550**	**22356**	**2176**	**4755**	**374**	**4277**	**4171**	**3442**	**133**	**130**	**101**	**240**	**125**	**106**	**74**	**0**	**32**	**0**
1	Ba Đình	727	65	614	49	113	16	**101**	**95**	65	6	6	3	9	6	**6**	3		3	
2	Ba Vì	1281	136	1149	115	132	21	**104**	**104**	97	0	0	3	2	2	**0**				
3	Bắc Từ Liêm	712	56	509	43	203	13	**181**	**176**	139	9	10	1	13	4	5	2		3	
4	Cầu Giấy	688	58	555	40	133	18	**120**	**118**	92	5	5	4	8	4	**2**	0		2	
5	Chương Mỹ	1317	132	1181	115	136	17	**125**	**125**	114	2	2	0	7	0	**0**				
6	Đan Phượng	709	65	573	50	136	15	**120**	**116**	104	0	0	0	5	7	**4**	4			
7	Đông Anh	1408	120	1198	110	210	10	**206**	**203**	188	2	2	2	7	2	**3**	3		0	
8	Đống Đa	910	75	790	69	120	6	**79**	**78**	66	4	4	0	3	1	**1**	1			
9	Gia Lâm	984	99	707	79	277	20	**246**	**239**	182	9	8	13	14	13	**7**	4		3	
10	Hà Đông	1260	110	1007	86	253	24	**243**	**232**	197	6	11	0	9	9	**11**	11		0	
11	Hai Bà Trưng	779	75	627	57	152	18	**142**	**133**	101	4	7	2	15	4	**9**	5		4	
12	Hoài Đức	1053	101	792	85	261	16	**240**	**235**	213	8	4	0	10	0	**5**	5		0	
13	Hoàn Kiếm	484	49	417	37	67	12	**48**	**46**	38	2	2	0	4	0	**2**	1		1	
14	Hoàng Mai	1052	84	726	55	326	29	**316**	**306**	247	19	11	4	19	6	**10**	4		6	
15	Long Biên	994	100	806	80	188	20	**161**	**154**	122	5	6	15	2	4	**7**	4		3	
16	Mê Linh	961	100	747	89	214	11	**197**	**197**	180	6	5	0	6	0	**0**				
17	Mỹ Đức	901	89	826	103	75	-14	**40**	**40**	21	4	1	3	5	6	**0**				
18	Nam Từ Liêm	591	52	366	32	225	20	**200**	**193**	158	7	8	1	16	3	**7**	7		0	
19	Phú Xuyên	944	93	877	81	67	12	**50**	**50**	43	4	3				**0**				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI TIỂU HỌC

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019

QUẬN BA ĐÌNH

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu giáo viên đứng lớp (Giáo viên Tiểu học, mã số V.07.03.09)							Chỉ tiêu nhân viên				
			Tổng chỉ tiêu giáo viên	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tiếng Anh	GD thể chất	Tin học	Tổng chỉ tiêu nhân viên	Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư mã số 02.008	Y tế trường học
	TỔNG	**101**	**95**	**65**	**6**	**6**	**3**	**9**	**6**	**6**	**3**	**0**	**3**	**0**
1	TH Hoàng Diệu	6	5	4				1		1			1	
2	TH Kim Đồng	3	3	1	1	1				0				
3	TH Ngọc Khánh	8	7	6			1			1	1			
4	TH Thành Công A	2	1	1						1			1	
5	TH Thành Công B	8	8	3	2	1	1	1		0				
6	TH Việt Nam-Cu Ba	6	4	2	1				1	2	1		1	
7	TH Đại Yên	13	13	10		1		1	1	0				
8	TH Ba Đình	7	7	4	1			1	1	0				
9	TH Hoàng Hoa Thám	2	2	2						0				
10	TH Nghĩa Dũng	11	11	8		1		1	1	0				
11	TH Ngọc Hà	4	4	4						0				
12	TH Nguyễn Tri Phương	6	6	3	1			1	1	0				
13	TH Nguyễn Trung Trực	9	9	6		1		1	1	0				
14	TH Phan Chu Trinh	2	1	1						1	1			
15	TH Thủ Lệ	5	5	4				1		0				
16	TH Nguyễn Bá Ngọc	5	5	2		1	1	1		0				
17	TH Vạn Phúc	4	4	4						0				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI TIỂU HỌC

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN BA VÌ

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu giáo viên đứng lớp (Giáo viên Tiểu học, mã số V.07.03.09)							Chỉ tiêu nhân viên				
			Tổng chỉ tiêu giáo viên	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tiếng Anh	GD thể chất	Tin học	Tổng chỉ tiêu nhân viên	Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư mã số 02.008	Y tế trường học
	TỔNG	**104**	**104**	**97**	**0**	**0**	**3**	**2**	**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Ba Trại A	2	2	2										
2	Ba Trại B	2	2	2										
3	Cẩm Lĩnh	6	6	5			1							
4	Cam Thượng	0	0											
5	Châu Sơn	1	1	1										
6	Chu Minh	3	3	3										
7	Cổ Đô	0	0											
8	Đông Quang	2	2	2										
9	Đồng Thái	4	4	4										
10	Hợp Nhất	0	0											
11	Khánh Thượng A	3	3	2					1					
12	Khánh Thượng B	0	0											
13	Minh Châu	6	6	6										
14	Minh Quang A	0	0											
15	Minh Quang B	1	1	1										
16	Phong Vân	4	4	4										
17	Phú Châu	0	0											
18	Phú Cường	1	1						1					
19	Phú Đông	7	7	7										
20	Phú Phương	0	0											
21	Phú Sơn	7	7	7										
22	Sơn Đà	5	5	5										
23	Tản Hồng	3	3	3										
24	Tản Lĩnh	1	1				1							
25	Tây Đằng A	0	0											
26	Tây Đằng B	3	3	3										
27	Thái Hòa	5	5	5										
28	Thuần Mỹ	4	4	4										
29	Thụy An	6	6	6										
30	Tiên Phong	0	0											
31	Tòng Bạt	5	5	5										
32	TTNC Bò ĐC	0	0											
33	Vân Hòa	5	5	4				1						
34	Vạn Thắng	5	5	5										
35	Vật Lại	7	7	7										
36	Yên Bài A	5	5	3			1	1						
37	Yên Bài B	1	1	1										
38	Yên Sơn	0	0											

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI TIỂU HỌC

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019

QUẬN BẮC TỪ LIÊM

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu giáo viên đứng lớp (Giáo viên Tiểu học, mã số V.07.03.09)							Chỉ tiêu nhân viên				
			Tổng chỉ tiêu giáo viên	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tiếng Anh	GD thể chất	Tin học	Tổng chỉ tiêu nhân viên	Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư mã số 02.008	Y tế trường học
	TỔNG	**181**	**176**	**139**	**9**	**10**	**1**	**13**	**4**	**5**	**2**	**0**	**3**	**0**
1	Cổ Nhuế 2A	**16**	**15**	10	2	2		1		**1**			1	
2	Cổ Nhuế 2B	**16**	**15**	13	1	1				**1**			1	
3	Đông Ngạc A	**11**	**11**	8	1	1		1		**0**				
4	Đông Ngạc B	**17**	**17**	14	1			1	1	**0**				
5	Minh Khai A	**10**	**10**	9				1		**0**				
6	Phúc Diễn	**15**	**15**	11		1	1	1	1	**0**				
7	Xuân Đỉnh	**30**	**30**	24	1	2		3		**0**				
8	Liên Mạc	**9**	**9**	7	1	0		1		**0**				
9	Minh Khai B	**10**	**10**	7		1		1	1	**0**				
10	Hồ Tùng Mậu	**12**	**11**	8	1	1		1		**1**			1	
11	Tây Tựu A	**7**	**6**	4				1	1	**1**	1			
12	Tây Tựu B	**11**	**10**	9	1					**1**	1			
13	Thụy Phương	**9**	**9**	9						**0**				
14	Thượng Cát	**8**	**8**	6		1		1		**0**				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI TIỂU HỌC

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019

QUẬN CẦU GIẤY

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu giáo viên đứng lớp (Giáo viên Tiểu học, mã số V.07.03.09)							Chỉ tiêu nhân viên				
			Tổng chỉ tiêu giáo viên	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tiếng Anh	GD thể chất	Tin học	Tổng chỉ tiêu nhân viên	Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư mã số 02.008	Y tế trường học
	TỔNG	**120**	**118**	**92**	**5**	**5**	**4**	**8**	**4**	**2**	**0**	**0**	**2**	**0**
1	Tiểu học An Hòa	**25**	**24**	17	2	1	1	2	1	**1**			1	
2	Tiểu học Dịch Vọng A	**14**	**14**	11		1		2		**0**				
3	Tiểu học Dịch Vọng B	**11**	**11**	11						**0**				
4	Tiểu học Mai Dịch	**9**	**9**	8				1		**0**				
5	Tiểu học Nam Trung Yên	**6**	**6**	3		1		1	1	**0**				
6	Tiểu học Nghĩa Đô	**4**	**4**	4						**0**				
7	Tiểu học Nghĩa Tân	**12**	**12**	9	1	1	1			**0**				
8	Tiểu học Nguyễn Khả Trạc	**7**	**7**	5	1	1				**0**				
9	Tiểu học Quan Hoa	**3**	**3**	2					1	**0**				
10	Tiểu học Trung Hòa	**0**	**0**							**0**				
11	Tiểu học Trung Yên	**25**	**24**	19	1		1	2	1	**1**			1	
12	Tiểu học Yên Hòa	**4**	**4**	3			1			**0**				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI TIỂU HỌC

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN CHƯƠNG MỸ

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2019 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu giáo viên đứng lớp (Giáo viên Tiểu học, mã số V.07.03.09)							Chỉ tiêu nhân viên				
			Tổng chỉ tiêu giáo viên	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tiếng Anh	GD thể chất	Tin học	Tổng chỉ tiêu nhân viên	Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư mã số 02.008	Y tế trường học
	TỔNG	**125**	**125**	**114**	**2**	**2**	**0**	**7**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	TH Bê Tông	1	1	1						0				
2	TH Đại Yên	2	2	2						0				
3	TH Đồng Lạc	2	2	2						0				
4	TH Đồng Phú	6	6	5				1		0				
5	TH Đông Phương	6	6	5				1		0				
6	TH Đông Sơn	3	3	3						0				
7	TH Hòa Chính	2	2	2						0				
8	TH Hoàng Diệu	8	8	7				1		0				
9	TH Hoàng Văn Thụ	6	6	6						0				
10	TH Hồng Phong	0	0							0				
11	TH Hợp Đồng	5	5	5						0				
12	TH Hữu Văn	8	8	5	1	1		1		0				
13	TH Lam Điền	4	4	4						0				
14	TH Lương Mỹ A	3	3	3						0				
15	TH Mỹ Lương	7	7	7						0				
16	TH Nam Phương	0	0							0				
17	TH Nam Phương	1	1	1						0				
18	TH Ngọc Hòa	4	4	4						0				
19	TH Phú Nam An	0	0	0						0				
20	TH Phú Nghĩa	5	5	5						0				
21	TH Phụng Châu	2	2	2						0				
22	TH Quảng Bị	1	1	1						0				
23	TH Tân Tiến	10	10	9				1		0				
24	TH Thanh Bình	4	4	3				1		0				
25	TH Thượng Vực	3	3	3						0				
26	TH Thụy Hương	9	9	6	1	1		1		0				
27	TH Thủy Xuân Tiên	1	1	1						0				
28	TH Tiên Phương	0	0							0				
29	TH Tốt Động	8	8	8						0				
30	TH Trần Phú A	5	5	5						0				
31	TH Trần Phú B	0	0							0				
32	TH Trung Hòa	0	0							0				
33	TH Trường Yên	5	5	5						0				
34	TH Văn Võ	2	2	2						0				
35	TH TT Chúc Sơn A	0	0	0						0				
36	TH TT Chúc Sơn B	0	0							0				
37	TH TT Xuân Mai A	2	2	2						0				
38	TH TT Xuân Mai B	0	0							0				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI TIỂU HỌC

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019

HUYỆN ĐAN PHƯỢNG

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu giáo viên đứng lớp (Giáo viên Tiểu học, mã số V.07.03.09)							Chỉ tiêu nhân viên				
			Tổng chỉ tiêu giáo viên	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tiếng Anh	GD thể chất	Tin học	Tổng chỉ tiêu nhân viên	Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư mã số 02.008	Y tế trường học
	TỔNG	**120**	**116**	**104**	**0**	**0**	**0**	**5**	**7**	**4**	**4**	**0**	**0**	**0**
1	TH TT Phùng	**5**	**5**	5						**0**				
2	TH Đan Phượng	**0**	**0**							**0**				
3	TH Song Phượng	**0**	**0**							**0**				
4	TH Đồng Tháp	**6**	**6**	5				1		**0**				
5	TH Phương Đình A	**3**	**3**	3						**0**				
6	TH Phương Đình B	**1**	**1**	1						**0**				
7	TH Thọ Xuân	**5**	**5**	5						**0**				
8	TH Thọ An	**10**	**10**	8				1	1	**0**				
9	TH Trung Châu A	**6**	**6**	5					1	**0**				
10	TH Trung Châu B	**10**	**9**	8					1	**1**	1			
11	TH Hồng Hà	**14**	**13**	12					1	**1**	1			
12	TH Liên Hồng	**12**	**11**	9				1	1	**1**	1			
13	TH Liên Hà	**3**	**3**	2					1	**0**				
14	TH Liên Trung	**3**	**3**	3						**0**				
15	TH Thượng Mỗ	**7**	**7**	7						**0**				
16	TH Tô Hiến Thành	**11**	**11**	11						**0**				
17	TH Tân Hội A	**4**	**4**	4						**0**				
18	TH Tân Hội B	**6**	**6**	5				1		**0**				
19	TH Tân Lập	**14**	**13**	11				1	1	**1**	1			

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI TIỂU HỌC

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN ĐÔNG ANH

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu giáo viên đứng lớp (Giáo viên Tiểu học, mã số V.07.03.09)							Chỉ tiêu nhân viên				
			Tổng chỉ tiêu giáo viên	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tiếng Anh	GD thể chất	Tin học	Tổng chỉ tiêu nhân viên	Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư mã số 02.008	Y tế trường học
	TỔNG	**206**	**203**	**188**	**2**	**2**	**2**	**7**	**2**	**3**	**3**	**0**	**0**	**0**
1	Bắc Hồng	7	7	7						0				
2	Cổ Loa	3	3	3						0				
3	Đại Mạch	18	17	15		1		1		1	1			
4	Dục Tú	6	6	6						0				
5	Hải Bối	17	17	16				1		0				
6	Kim Chung	17	17	14		1		1	1	0				
7	Kim Nỗ	10	10	9			1			0				
8	Nam Hồng	14	14	13				1		0				
9	Thị Trấn	6	6	6						0				
10	Tiên Dương	11	11	11						0				
11	Uy Nỗ	1	1	1						0				
12	Vân Hà	6	6	5			1			0				
13	Vân Nội	11	11	9				2		0				
14	Việt Hùng	3	3	3						0				
15	Vĩnh Ngọc	8	7	6	1					1	1			
16	Xuân Nộn	13	12	12						1	1			
17	Đông Hội	5	5	4					1	0				
18	Lê Hữu Tựu	1	1	1						0				
19	Liên Hà	3	3	3						0				
20	Liên Hà A	5	5	5						0				
21	Ngô Tất Tố	1	1	1						0				
22	Tàm Xá	6	6	5				1		0				
23	Thị Trấn A	5	5	5						0				
24	Thụy Lâm	2	2	2						0				
25	Thụy Lâm A	5	5	5						0				
26	Tô Thị Hiền	5	5	4	1					0				
27	Võng La	11	11	11						0				
28	Xuân Canh	6	6	6						0				
29	Chuyên biệt Bình Minh	0	0							0				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI TIỂU HỌC

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
QUẬN ĐỐNG ĐA

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu giáo viên đứng lớp (Giáo viên Tiểu học, mã số V.07.03.09)							Chỉ tiêu nhân viên				
			Tổng chỉ tiêu giáo viên	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tiếng Anh	GD thể chất	Tin học	Tổng chỉ tiêu nhân viên	Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư mã số 02.008	Y tế trường học
	TỔNG	**79**	**78**	**66**	**4**	**4**	**0**	**3**	**1**	**1**	**1**	**0**	**0**	**0**
1	Bế Văn Đàn	**8**	**8**	8						**0**				
2	Cát Linh	**3**	**3**	3						**0**				
3	Khương Thượng	**3**	**3**	3						**0**				
4	Kim Liên	**1**	**1**		1					**0**				
5	Nam Thành Công	**0**	**0**							**0**				
6	Phương Mai	**4**	**4**	4						**0**				
7	Thái Thịnh	**1**	**1**		1					**0**				
8	Trung Tự	**0**	**0**							**0**				
9	Văn Chương	**8**	**8**	7				1		**0**				
10	Láng Thượng	**5**	**5**	5						**0**				
11	Lý Thường Kiệt	**6**	**6**	5		1				**0**				
12	Phương Liên	**9**	**8**	7				1		**1**	1			
13	Quang Trung	**8**	**8**	6		2				**0**				
14	Thịnh Hào	**3**	**3**	2	1					**0**				
15	Thịnh Quang	**1**	**1**	1						**0**				
16	Tô Vĩnh Diện	**5**	**5**	4		1				**0**				
17	La Thành	**6**	**6**	6						**0**				
18	Tam Khương	**4**	**4**	3				1		**0**				
19	Trung Phụng	**4**	**4**	2	1				1	**0**				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI TIỂU HỌC

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN GIA LÂM

(Kèm theo Quyết định số 1073 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu giáo viên đứng lớp (Giáo viên Tiểu học, mã số V.07.03.09)							Chỉ tiêu nhân viên				
			Tổng chỉ tiêu giáo viên	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tiếng Anh	GD thể chất	Tin học	Tổng chỉ tiêu nhân viên	Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư mã số 02.008	Y tế trường học
	TỔNG	**246**	**239**	**182**	**9**	**8**	**13**	**14**	**13**	**7**	**4**	**0**	**3**	**0**
1	TH Bát Tràng	**4**	**4**	4						**0**				
2	TH Cao Bá Quát	**14**	**14**	10	1		1	1	1	**0**				
3	TH Cổ Bi	**9**	**9**	6	1		1	1		**0**				
4	TH Dương Hà	**5**	**5**	3		1			1	**0**				
5	TH Dương Quang	**19**	**19**	13	2	1	1	1	1	**0**				
6	TH Dương Xá	**4**	**4**	3	1					**0**				
7	TH Đa Tốn	**11**	**10**	6		1	1	1	1	**1**			1	
8	TH Đặng Xá	**8**	**8**	7			1			**0**				
9	TH Đình Xuyên	**8**	**8**	7				1		**0**				
10	TH Đông Dư	**7**	**6**	5				1		**1**	1			
11	TH Kiêu Kỵ	**7**	**7**	5	1				1	**0**				
12	TH Kim Lan	**8**	**7**	5			1		1	**1**	1			
13	TH Kim Sơn	**16**	**15**	13			1		1	**1**			1	
14	TH Lệ Chi	**13**	**13**	10		1		1	1	**0**				
15	TH Lê Ngọc Hân	**6**	**6**	4				1	1	**0**				
16	TH Ninh Hiệp	**15**	**14**	9	1	1	2		1	**1**	1			
17	TH Nông Nghiệp	**4**	**4**	4						**0**				
18	TH Phù Đổng	**17**	**17**	15			1	1		**0**				
19	TH Phú Thị	**5**	**5**	4		1				**0**				
20	TH Tiền Phong	**9**	**9**	7			1	1		**0**				
21	TH TT Trâu Quỳ	**4**	**4**	3				1		**0**				
22	TH TT Yên Viên	**7**	**7**	4	1	1	1			**0**				
23	TH Trung Mầu	**8**	**8**	7					1	**0**				
24	TH Văn Đức	**7**	**7**	6	1					**0**				
25	TH Yên Thường	**8**	**7**	4		1		1	1	**1**			1	
26	TH Yên Viên	**9**	**9**	8				1		**0**				
27	TH Trung Thành	**14**	**13**	10			1	1	1	**1**	1			

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI TIỂU HỌC

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
QUẬN HÀ ĐÔNG

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2019 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu giáo viên đứng lớp (Giáo viên Tiểu học, mã số V.07.03.09)							Chỉ tiêu nhân viên				
			Tổng chỉ tiêu giáo viên	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tiếng Anh	GD thể chất	Tin học	Tổng chỉ tiêu nhân viên	Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư mã số 02.008	Y tế trường học
	TỔNG	**243**	**232**	**197**	**6**	**11**	**0**	**9**	**9**	**11**	**11**	**0**	**0**	**0**
1	Đoàn Kết	**3**	**2**	2						**1**	1			
2	Phú La	**7**	**7**	6					1	**0**				
3	Văn Yên	**1**	**1**						1	**0**				
4	Nguyễn Du	**2**	**1**						1	**1**	1			
5	Lê Lợi	**8**	**7**	4		1		1	1	**1**	1			
6	Kiến Hưng	**21**	**20**	16	1	2		1		**1**	1			
7	Văn Khê	**7**	**6**	5				1		**1**	1			
8	Yên Nghĩa	**11**	**11**	11						**0**				
9	Trần Phú	**4**	**3**	3						**1**	1			
10	Vạn Phúc	**7**	**6**	5				1		**1**	1			
11	An Hưng	**8**	**7**	6				1		**1**	1			
12	Phú Lương II	**14**	**13**	13						**1**	1			
13	Nguyễn Trãi	**3**	**3**	2		1				**0**				
14	Yết Kiêu	**5**	**5**	5						**0**				
15	Phú Lương I	**15**	**15**	12	2	1				**0**				
16	Phú Lãm	**14**	**14**	12	1	1				**0**				
17	Lê H Phong	**2**	**2**	1		1				**0**				
18	Đồng Mai I	**12**	**12**	11					1	**0**				
19	Kim Đồng	**10**	**10**	10						**0**				
20	Trần Đăng Ninh	**4**	**4**	3				1		**0**				
21	Lê Quý Đôn	**21**	**20**	16		2		1	1	**1**	1			
22	Dương Nội B	**8**	**8**	7				1		**0**				
23	Lê Trọng Tấn	**8**	**8**	7					1	**0**				
24	Đồng Mai II	**13**	**13**	11				1	1	**0**				
25	Dương Nội A	**8**	**8**	7	1					**0**				
26	Biên Giang	**7**	**7**	6	1					**0**				
27	Trần Quốc Toản	**12**	**12**	10		1			1	**0**				
28	Mậu Lương	**8**	**7**	6		1				**1**	1			

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI TIỂU HỌC

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
QUẬN HAI BÀ TRƯNG

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu giáo viên đứng lớp (Giáo viên Tiểu học, mã số V.07.03.09)							Chỉ tiêu nhân viên				
			Tổng chỉ tiêu giáo viên	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tiếng Anh	GD thể chất	Tin học	Tổng chỉ tiêu nhân viên	Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư mã số 02.008	Y tế trường học
	TỔNG	**142**	**133**	**101**	**4**	**7**	**2**	**15**	**4**	**9**	**5**	**0**	**4**	**0**
1	TH Bà Triệu	13	12	8	1	2		1		1	1			
2	TH Ngô Quyền	10	9	7	1			1		1			1	
3	TH Thanh Lương	7	6	5		1				1	1			
4	TH Đồng Tâm	0	0							0				
5	TH Lương Yên	8	7	6		1				1	1			
6	TH Quỳnh Lôi	11	10	8	0	0		2		1	1			
7	TH Ngô Thì Nhậm	7	7	4	1	1		1		0				
8	TH Minh Khai	9	9	6			1	1	1	0				
9	TH Quỳnh Mai	10	10	8				2		0				
10	TH Đồng Nhân	4	4	2		1			1	0				
11	TH Đoàn Kết	5	5	5						0				
12	TH Trung Hiền	10	9	7				1	1	1	1			
13	TH Trưng Trắc	3	3	3						0				
14	TH Vĩnh Tuy	14	13	12				1		1			1	
15	TH Tô Hoàng	3	3	3						0				
16	TH Lê Văn Tám	11	11	6	1	1	1	2	0	0				
17	TH Lê Ngọc Hân	1	1					1		0				
18	TH Tây Sơn	4	3	2					1	1			1	
19	TH Bạch Mai	12	11	9				2		1			1	

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI TIỂU HỌC

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN HOÀI ĐỨC

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu giáo viên đứng lớp (Giáo viên Tiểu học, mã số V.07.03.09)							Chỉ tiêu nhân viên				
			Tổng chỉ tiêu giáo viên	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tiếng Anh	GD thể chất	Tin học	Tổng chỉ tiêu nhân viên	Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư mã số 02.008	Y tế trường học
	TỔNG	**240**	**235**	**213**	**8**	**4**	**0**	**10**	**0**	**5**	**5**	**0**	**0**	**0**
1	An Khánh A	14	14	12				2		0				
2	An Khánh B	14	13	11		1		1		1	1			
3	An Thượng A	10	10	9				1		0				
4	An Thượng B	7	7	6		1				0				
5	Cát quế A	13	13	11	2					0				
6	Cát quế B	8	8	6				2		0				
7	Đắc Sở	3	3	2				1		0				
8	Di Trạch	12	12	12						0				
9	Đông La	10	10	8	1			1		0				
10	Đức Giang	6	6	6						0				
11	Đức Thượng	7	6	5				1		1	1			
12	Dương Liễu A	6	6	6						0				
13	Dương Liễu B	7	7	7						0				
14	Kim Chung A	6	6	6						0				
15	Kim Chung B	6	6	6						0				
16	La Phù	11	10	9		1				1	1			
17	Lại Yên	10	10	9				1		0				
18	Minh Khai	9	9	9						0				
19	Sơn Đồng	8	8	8						0				
20	Song Phương	11	11	11						0				
21	Thị trấn	7	6	5	1					1	1			
22	Tiền Yên	7	7	7						0				
23	Vân Canh	17	16	15	1					1	1			
24	Vân Côn	24	24	22	2					0				
25	Yên Sở	7	7	5	1	1				0				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI TIỂU HỌC

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
QUẬN HOÀN KIẾM

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu giáo viên đứng lớp (Giáo viên Tiểu học, mã số V.07.03.09)							Chỉ tiêu nhân viên				
			Tổng chỉ tiêu giáo viên	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tiếng Anh	GD thể chất	Tin học	Tổng chỉ tiêu nhân viên	Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư mã số 02.008	Y tế trường học
	TỔNG	**48**	**46**	**38**	**2**	**2**	**0**	**4**	**0**	**2**	**1**	**0**	**1**	**0**
1	Trưng Vương	**4**	**4**	2	1			1		**0**				
2	Quang Trung	**4**	**4**	3				1		**0**				
3	Nguyễn Du	**1**	**1**					1		**0**				
4	Thăng Long	**8**	**6**	5		1				**2**	1		1	
5	Trần Nhật Duật	**6**	**6**	6						**0**				
6	Trần Quốc Toản	**4**	**4**	4						**0**				
7	Chương Dương	**5**	**5**	5						**0**				
8	Điện Biên	**3**	**3**	3						**0**				
9	Võ Thị Sáu	**2**	**2**	1				1		**0**				
10	Hồng Hà	**5**	**5**	5						**0**				
11	Nguyễn Bá Ngọc	**1**	**1**	1						**0**				
12	Phúc Tân	**5**	**5**	3	1	1				**0**				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI TIỂU HỌC

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
QUẬN HOÀNG MAI

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu giáo viên đứng lớp (Giáo viên Tiểu học, mã số V.07.03.09)							Chỉ tiêu nhân viên				
			Tổng chỉ tiêu giáo viên	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tiếng Anh	GD thể chất	Tin học	Tổng chỉ tiêu nhân viên	Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư mã số 02.008	Y tế trường học
	TỔNG	**316**	**306**	**247**	**19**	**11**	**4**	**19**	**6**	**10**	**4**	**0**	**6**	**0**
1	Tân Định	**16**	**16**	10	1		1	2	2	**0**				
2	Hoàng Văn Thụ	**11**	**11**	11						**0**				
3	Lĩnh Nam	**13**	**13**	13						**0**				
4	Hoàng Liệt	**28**	**27**	22	2	1	1	1		**1**			1	
5	Thịnh Liệt	**20**	**19**	16	1	1		1		**1**			1	
6	Vĩnh Hưng	**24**	**24**	19	1	1	1	1	1	**0**				
7	Đền Lừ	**12**	**11**	9	1	1				**1**	1			
8	Giáp Bát	**11**	**10**	7	1			2		**1**			1	
9	Thúy Lĩnh	**15**	**14**	11	1			2		**1**	1			
10	Đại Kim	**10**	**9**	7	1			1		**1**			1	
11	Mai Động	**13**	**13**	13						**0**				
12	Thanh Trì	**16**	**16**	12	2			2		**0**				
13	Đại Từ	**31**	**29**	24	2	1		2		**2**	1		1	
14	Trần Phú	**15**	**15**	13	1	1				**0**				
15	Tân Mai	**13**	**13**	8	2	1	1		1	**0**				
16	Yên Sở	**13**	**13**	12				1		**0**				
17	Định Công	**15**	**15**	10	1	1		2	1	**0**				
18	Chu Văn An	**40**	**38**	30	2	3		2	1	**2**	1		1	

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI TIỂU HỌC

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
QUẬN LONG BIÊN

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2019 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu giáo viên đứng lớp (Giáo viên Tiểu học, mã số V.07.03.09)							Chỉ tiêu nhân viên				
			Tổng chỉ tiêu giáo viên	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tiếng Anh	GD thể chất	Tin học	Tổng chỉ tiêu nhân viên	Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư mã số 02.008	Y tế trường học
	TỔNG	**161**	**154**	**122**	**5**	**6**	**15**	**2**	**4**	**7**	**4**	**0**	**3**	**0**
1	Gia Thụy	**5**	**5**	4			1			**0**				
2	Ngọc Thụy	**13**	**13**	12			1			**0**				
3	Long Biên	**2**	**2**	1			1			**0**				
4	Ngọc Lâm	**2**	**2**	2						**0**				
5	Sài Đồng	**0**	**0**							**0**				
6	Việt Hưng	**10**	**9**	8		1				**1**			1	
7	Thượng Thanh	**12**	**11**	9	1	1				**1**	1			
8	Ái Mộ B	**2**	**2**	1			1			**0**				
9	Đô thị Việt Hưng	**7**	**6**	5			1			**1**			1	
10	Đức Giang	**2**	**2**	2						**0**				
11	Ngô Gia Tự	**4**	**3**	2					1	**1**			1	
12	Gia Quất	**9**	**8**	6			1		1	**1**	1			
13	Vũ Xuân Thiều	**8**	**8**	8						**0**				
14	Phúc Lợi	**12**	**12**	8	2	1	1			**0**				
15	Thạch Bàn B	**5**	**4**	4						**1**	1			
16	Cự Khối	**7**	**7**	6			1			**0**				
17	Phúc Đồng	**3**	**3**	2					1	**0**				
18	Gia Thượng	**9**	**9**	6		1	1		1	**0**	0		0	
19	Ái Mộ A	**2**	**2**				1	1		**0**				
20	Thạch Bàn A	**10**	**10**	9			1			**0**				
21	Đoàn Kết	**8**	**8**	4	1	1	1	1		**0**				
22	Thanh Am	**7**	**7**	6			1			**0**				
23	Giang Biên	**7**	**7**	5		1	1			**0**				
24	Bồ Đề	**6**	**6**	5			1			**0**	0		0	
25	Lý T Kiệt	**6**	**5**	4	1					**1**	1		0	
26	PTCS Hy Vọng	**3**	**3**	3						**0**				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI TIỂU HỌC

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN MÊ LINH

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu giáo viên đứng lớp (Giáo viên Tiểu học, mã số V.07.03.09)							Chỉ tiêu nhân viên				
			Tổng chỉ tiêu giáo viên	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tiếng Anh	GD thể chất	Tin học	Tổng chỉ tiêu nhân viên	Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư mã số 02.008	Y tế trường học
	TỔNG	**197**	**197**	**180**	**6**	**5**	**0**	**6**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Chi Đông	10	10	8	1	1				0				
2	Chu Phan A	5	5	5						0				
3	Chu Phan B	4	4	4						0				
4	Đại Thịnh A	7	7	6				1		0				
5	Đại Thịnh B	7	7	7						0				
6	Hoàng Kim	4	4	4						0				
7	Kim Hoa A	7	7	6				1		0				
8	Kim Hoa B	5	5	5						0				
9	Liên Mạc A	7	7	7						0				
10	Liên Mạc B	7	7	7						0				
11	Mê Linh	10	10	7	1			2		0				
12	Quang Minh A	9	9	7	1	1				0				
13	Quang Minh B	9	9	9						0				
14	Tam Đồng	5	5	4	1					0				
15	Tiền Phong A	11	11	8	1	1		1		0				
16	Tiền Phong B	11	11	8	1	2				0				
17	Tiến Thắng A	4	4	3				1		0				
18	Tiến Thắng B	6	6	6						0				
19	Tiến Thịnh	11	11	11						0				
20	Tự Lập A	8	8	8						0				
21	Tự Lập B	5	5	5						0				
22	Thạch Đà A	8	8	8						0				
23	Thạch Đà B	2	2	2						0				
24	Thanh Lâm A	5	5	5						0				
25	Thanh Lâm B	5	5	5						0				
26	Tráng Việt A	5	5	5						0				
27	Tráng Việt B	5	5	5						0				
28	Vạn Yên	5	5	5						0				
29	Văn Khê A	8	8	8						0				
30	Văn Khê B	2	2	2						0				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI TIỂU HỌC

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN MỸ ĐỨC

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu giáo viên đứng lớp (Giáo viên Tiểu học, mã số V.07.03.09)							Chỉ tiêu nhân viên				
			Tổng chỉ tiêu giáo viên	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tiếng Anh	GD thể chất	Tin học	Tổng chỉ tiêu nhân viên	Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư mã số 02.008	Y tế trường học
	TỔNG	**40**	**40**	**21**	**4**	**1**	**3**	**5**	**6**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Đồng Tâm	3	3	2					1	0				
2	Thượng Lâm	3	3	2					1	0				
3	Phúc Lâm	2	2	2						0				
4	Tuy Lai A	1	1	1						0				
5	Tuy Lai B	1	1						1	0				
6	Bột Xuyên	0	0							0				
7	Mỹ Thành	1	1					1		0				
8	An Mỹ	0	0							0				
9	Hồng Sơn	1	1						1	0				
10	Lê Thanh A	0	0							0				
11	Lê Thanh B	0	0							0				
12	Xuy Xá	0	0							0				
13	Phùng Xá	1	1	1						0				
14	Phù Lưu Tế	0	0							0				
15	Tế Tiêu	1	1						1	0				
16	Đại Nghĩa	0	0							0				
17	Đại Hưng	0	0							0				
18	Vạn Kim	2	2		1		1			0				
19	Đốc Tín	2	2		1			1		0				
20	Hương Sơn A	2	2				1	1		0				
21	Hương Sơn B	3	3	3						0				
22	Hương Sơn C	3	3	3						0				
23	Hùng Tiến	1	1				1			0				
24	An Tiến	1	1		1					0				
25	Hợp Tiến A	1	1	1						0				
26	Hợp Tiến B	3	3		1			1	1	0				
27	Hợp Thanh A	4	4	4						0				
28	Hợp Thanh B	2	2	2						0				
29	An Phú	2	2			1		1		0				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI TIỂU HỌC

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
QUẬN NAM TỪ LIÊM

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu giáo viên đứng lớp (Giáo viên Tiểu học, mã số V.07.03.09)							Chỉ tiêu nhân viên				
			Tổng chỉ tiêu giáo viên	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tiếng Anh	GD thể chất	Tin học	Tổng chỉ tiêu nhân viên	Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư mã số 02.008	Y tế trường học
	TỔNG	**200**	**193**	**158**	**7**	**8**	**1**	**16**	**3**	**7**	**7**	**0**	**0**	**0**
1	Cầu Diễn	**2**	**2**	2						**0**				
2	Mỹ Đình 1	**18**	**18**	15	1	1		1		**0**				
3	Mỹ Đình 2	**19**	**18**	13	1	1		2	1	**1**	1			
4	Phú Đô	**13**	**12**	10		1		1		**1**	1			
5	Mễ Trì	**19**	**19**	17		1		1		**0**				
6	Trung Văn	**26**	**25**	20	1	1		3		**1**	1			
7	Đại Mỗ	**17**	**16**	13	1			2		**1**	1			
8	Nguyễn Quý Đức	**10**	**10**	9				1		**0**				
9	Tây Mỗ	**27**	**26**	22	1	1		1	1	**1**	1			
10	Lý Nam Đế	**12**	**12**	10		1		1		**0**				
11	Phương Canh	**22**	**21**	17	1	1		2		**1**	1			
12	Xuân Phương	**15**	**14**	10	1		1	1	1	**1**	1			

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI TIỂU HỌC

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN PHÚ XUYÊN

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu giáo viên đứng lớp (Giáo viên Tiểu học, mã số V.07.03.09)							Chỉ tiêu nhân viên				
			Tổng chỉ tiêu giáo viên	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tiếng Anh	GD thể chất	Tin học	Tổng chỉ tiêu nhân viên	Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư mã số 02.008	Y tế trường học
	TỔNG	**50**	**50**	**43**	**4**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Tri Thủy	0	0							0				
2	Phú Túc	0	0							0				
3	Phú Yên	0	0							0				
4	Chuyên Mỹ	2	2	1		1				0				
5	Minh Tân B	5	5	5						0				
6	Phú Minh	1	1	1						0				
7	TT Phú Xuyên	0	0							0				
8	Minh Tân A	3	3	2	1					0				
9	Thụy Phú	0	0							0				
10	Bạch Hạ	0	0							0				
11	Quang Lãng	1	1			1				0				
12	Châu Can	6	6	4	1	1				0				
13	Sơn Hà	2	2	2						0				
14	Đại Thắng	2	2	2						0				
15	Vân Từ	6	6	6						0				
16	Tri Trung	0	0							0				
17	Văn Nhân	2	2	2						0				
18	Phúc Tiến	2	2	2						0				
19	Nam Phong	0	0							0				
20	Phượng Dực	2	2	2						0				
21	Tân Dân	2	2	1	1					0				
22	Hồng Minh	2	2	2						0				
23	Nam Triều	0	0							0				
24	Hồng Thái	3	3	3						0				
25	Văn Hoàng	2	2	2						0				
26	Hoàng Long	2	2	2						0				
27	Khai Thái	2	2	2						0				
28	Quang Trung	0	0							0				
29	Đại Xuyên	3	3	2	1					0				

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI TIỂU HỌC

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN PHÚC THỌ

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu giáo viên đứng lớp (Giáo viên Tiểu học, mã số V.07.03.09)							Chỉ tiêu nhân viên				
			Tổng chỉ tiêu giáo viên	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tiếng Anh	GD thể chất	Tin học	Tổng chỉ tiêu nhân viên	Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư mã số 02.008	Y tế trường học
	TỔNG	**101**	**92**	**71**	**3**	**5**	**0**	**13**	**0**	**9**	**9**	**0**	**0**	**0**
1	Liên Hiệp	9	8	4	2	1		1		1	1			
2	Hiệp Thuận	4	3	0	1	1		1		1	1			
3	Tam Hiệp	6	5	2				3		1	1			
4	Ngọc Tảo	1	0	0						1	1			
5	Phụng Thượng	5	5	5						0				
6	Thị trấn PT	2	2	2						0				
7	Trạch Mỹ Lộc	2	2	1				1		0				
8	Thọ Lộc	3	3	3						0				
9	Tích Giang	1	1	0				1		0				
10	Sen Chiểu	6	6	5				1		0				
11	Võng Xuyên A	6	6	5		1				0				
12	Võng Xuyên B	8	8	7		1				0				
13	Long Xuyên	5	5	5						0				
14	Thượng Cốc	4	4	3				1		0				
15	Xuân Phú	4	3	2				1		1	1			
16	Vân Phúc	6	6	5				1		0				
17	Vân Nam	6	5	4		1				1	1			
18	Hát Môn	7	7	6				1		0				
19	Thanh Đa	5	4	3				1		1	1			
20	Tam Thuấn	4	4	4						0				
21	Phúc Hòa	1	0	0						1	1			
22	Phương Độ	0	0	0						0				
23	Vân Hà	4	3	3						1	1			
24	Cẩm Đình	2	2	2						0				
25	Hai Bà Trưng	0	0	0						0				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI TIỂU HỌC

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN QUỐC OAI

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu giáo viên đứng lớp (Giáo viên Tiểu học, mã số V.07.03.09)							Chỉ tiêu nhân viên				
			Tổng chỉ tiêu giáo viên	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tiếng Anh	GD thể chất	Tin học	Tổng chỉ tiêu nhân viên	Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư mã số 02.008	Y tế trường học
	TỔNG	**130**	**125**	**109**	**0**	**0**	**5**	**5**	**6**	**5**	**5**	**0**	**0**	**0**
1	Cấn Hữu	**3**	**3**	3						**0**				
2	Cộng Hòa	**5**	**4**	3				1		**1**	1			
3	Đại Thành	**13**	**12**	11			1			**1**	1			
4	Đồng Quang A	**3**	**3**	3						**0**				
5	Đồng Quang B	**6**	**6**	5					1	**0**				
6	Đông Xuân	**2**	**2**	2						**0**				
7	Đông Yên	**6**	**6**	4			1		1	**0**				
8	Hòa Thạch A	**5**	**5**	5						**0**				
9	Hòa Thạch B	**4**	**4**	4						**0**				
10	Liệp Tuyết	**5**	**5**	5						**0**				
11	Nghĩa Hương	**3**	**3**	3						**0**				
12	Ngọc Liệp	**4**	**4**	4						**0**				
13	Ngọc Mỹ	**3**	**3**	3						**0**				
14	Phú Cát	**9**	**9**	5			2	1	1	**0**				
15	Phú Mãn	**0**	**0**							**0**				
16	Phượng Cách	**15**	**14**	13					1	**1**	1			
17	Sài Sơn A	**5**	**5**	4				1		**0**				
18	Sài Sơn B	**9**	**9**	7				1	1	**0**				
19	Tân Hòa	**8**	**7**	7						**1**	1			
20	Tân Phú	**9**	**8**	7				1		**1**	1			
21	Tuyết Nghĩa	**4**	**4**	3					1	**0**				
22	Thạch Thán	**4**	**4**	4						**0**				
23	Thị Trấn Quốc Oai A	**5**	**5**	4			1			**0**				
24	Thị Trấn Quốc Oai B	**0**	**0**							**0**				
25	Yên Sơn	**0**	**0**							**0**				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI TIỂU HỌC

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN SÓC SƠN

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu giáo viên đứng lớp (Giáo viên Tiểu học, mã số V.07.03.09)							Chỉ tiêu nhân viên				
			Tổng chỉ tiêu giáo viên	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tiếng Anh	GD thể chất	Tin học	Tổng chỉ tiêu nhân viên	Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư mã số 02.008	Y tế trường học
	TỔNG	**282**	**282**	**189**	**11**	**9**	**37**	**13**	**23**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Tiểu học Bắc Sơn A	**12**	**12**	8	1		1	1	1	**0**				
2	Tiểu học Bắc Sơn B	**7**	**7**	3	1		1	1	1	**0**				
3	Tiểu học Bắc Sơn C	**7**	**7**	4			1	1	1	**0**				
4	Tiểu học Nam Sơn	**13**	**13**	7	1		2	2	1	**0**				
5	Tiểu học Hồng Kỳ	**6**	**6**	2		1	2		1	**0**				
6	Tiểu học Trung Giã	**8**	**8**	3		1	1	1	2	**0**				
7	Tiểu học Tân Hưng	**10**	**10**	6	1		1	1	1	**0**				
8	Tiểu học Bắc Phú	**8**	**8**	6			2			**0**				
9	Tiểu học Tân Minh A	**1**	**1**						1	**0**				
10	Tiểu học Tân Minh B	**4**	**4**	1			1	1	1	**0**				
11	Tiểu học Phù Linh	**4**	**4**	2			1		1	**0**				
12	Tiểu học Thị trấn	**2**	**2**				2			**0**				
13	Tiểu học Tiên Dược A	**8**	**8**	4			2		2	**0**				
14	Tiểu học Tiên Dược B	**8**	**8**	7			1			**0**				
15	Tiểu học Đức Hoà	**4**	**4**	2		1	1			**0**				
16	Tiểu học Việt Long	**14**	**14**	10	1	1	2			**0**				
17	Tiểu học Xuân Giang	**15**	**15**	11		1	1	1	1	**0**				
18	Tiểu học Xuân Thu	**12**	**12**	9	1		1		1	**0**				
19	Tiểu học Kim Lũ	**13**	**13**	11			1		1	**0**				
20	Tiểu học Đông Xuân	**13**	**13**	11			1		1	**0**				
21	Tiểu học Phù Lỗ A	**5**	**5**	5						**0**				
22	Tiểu học Phù Lỗ B	**3**	**3**	2			1			**0**				
23	Tiểu học Phú Minh	**6**	**6**	4	1		1			**0**				
24	Tiểu học Phú Cường	**11**	**11**	7		1	2		1	**0**				
25	Tiểu học Thanh Xuân A	**10**	**10**	5	1	2	2			**0**				
26	Tiểu học Thanh Xuân B	**6**	**6**	5				1		**0**				
27	Tiểu học Tân Dân A	**12**	**12**	9	1		1		1	**0**				
28	Tiểu học Tân Dân B	**5**	**5**	5						**0**				
29	Tiểu học Minh Phú	**10**	**10**	7	1		1		1	**0**				
30	Tiểu học Minh Trí	**12**	**12**	7	1		2	1	1	**0**				
31	Tiểu học Hiền Ninh	**10**	**10**	6			1	2	1	**0**				
32	Tiểu học Quang Tiến	**7**	**7**	5			1		1	**0**				
33	Tiểu học Mai Đình A	**6**	**6**	6						**0**				
34	Tiểu học Mai Đình B	**5**	**5**	4		1				**0**				
35	Tiểu học Hương Đình	**5**	**5**	5						**0**				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI TIỂU HỌC

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
THỊ XÃ SƠN TÂY

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu giáo viên đứng lớp (Giáo viên Tiểu học, mã số V.07.03.09)							Chỉ tiêu nhân viên				
			Tổng chỉ tiêu giáo viên	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tiếng Anh	GD thể chất	Tin học	Tổng chỉ tiêu nhân viên	Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư mã số 02.008	Y tế trường học
	TỔNG	**45**	**45**	**35**	**0**	**0**	**0**	**10**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Đường Lâm	**5**	**5**	5						**0**				
2	Cổ Đông	**1**	**1**					1		**0**				
3	Kim Sơn	**0**	**0**							**0**				
4	Lê Lợi	**7**	**7**	6				1		**0**				
5	Phú Thịnh	**2**	**2**	2						**0**				
6	Quang Trung	**7**	**7**	6				1		**0**				
7	Sơn Đông	**4**	**4**	2				2		**0**				
8	Sơn Lộc	**1**	**1**					1		**0**				
9	Thanh Mỹ	**6**	**6**	5				1		**0**				
10	Trần Phú	**4**	**4**	3				1		**0**				
11	Trung Hưng	**2**	**2**	2						**0**				
12	Trung Sơn Trầm	**0**	**0**							**0**				
13	Viên Sơn	**0**	**0**							**0**				
14	Xuân Khanh	**4**	**4**	2				2		**0**				
15	Xuân Sơn	**2**	**2**	2						**0**				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI TIỂU HỌC

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
QUẬN TÂY HỒ

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu giáo viên đứng lớp (Giáo viên Tiểu học, mã số V.07.03.09)							Chỉ tiêu nhân viên				
			Tổng chỉ tiêu giáo viên	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tiếng Anh	GD thể chất	Tin học	Tổng chỉ tiêu nhân viên	Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư mã số 02.008	Y tế trường học
TT	**Tổng**	**66**	**62**	**46**	**3**	**1**	**4**	**7**	**1**	**4**	**4**	**0**	**0**	**0**
1	Chu Văn An	**10**	**10**	7	1		1	1		**0**				
2	Đông Thái	**7**	**6**	4	1			1		**1**	1			
3	Xuân La	**13**	**12**	8	1		1	2		**1**	1			
4	Nhật Tân	**6**	**6**	5					1	**0**				
5	Phú Thượng	**12**	**11**	8		1	1	1		**1**	1			
6	Quảng An	**7**	**6**	5				1		**1**	1			
7	Tứ Liên	**3**	**3**	3						**0**				
8	An Dương	**8**	**8**	6			1	1		**0**				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI TIỂU HỌC

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN THẠCH THẤT

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu giáo viên đứng lớp (Giáo viên Tiểu học, mã số V.07.03.09)							Chỉ tiêu nhân viên				
			Tổng chỉ tiêu giáo viên	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tiếng Anh	GD thể chất	Tin học	Tổng chỉ tiêu nhân viên	Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư (mã số 02.008	Y tế trường học
TT	**Tổng**	**64**	**64**	**59**	**0**	**0**	**0**	**3**	**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	TH Bình Phú A	2	2	1				1						
2	TH Bình Phú B	3	3	3										
3	TH Bình Yên	7	7	6					1					
4	TH Cẩm Yên	4	4	4										
5	TH Cần Kiệm	2	2	2										
6	TH Chàng Sơn	3	3	3										
7	TH Đại Đồng	1	1	1										
8	TH Dị Nậu	2	2	2										
9	TH Đồng Trúc	3	3	3										
10	TH Hạ Bằng	0	0	0										
11	TH Hương Ngải	5	5	5										
12	TH Hữu Bằng	2	2	1				1						
13	TH Kim Quan	1	1	1										
14	TH Lại Thượng	2	2	2										
15	TH Liên Quan	1	1	1										
16	TH Minh Hà A	3	3	3										
17	TH Minh Hà B	3	3	2				1						
18	TH Phú Kim	0	0	0										
19	TH Phùng Xá	6	6	6										
20	TH Tân Xã	2	2	2										
21	TH Thạch Hoà	8	8	7					1					
22	TH Thạch Xá	2	2	2										
23	TH Tiến Xuân A	0	0	0										
24	TH Tiến Xuân B	0	0	0										
25	TH Yên Bình A	0	0	0										
26	TH Yên Bình B	1	1	1										
27	TH Yên Trung	1	1	1										

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI TIỂU HỌC

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN THANH OAI

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu giáo viên đứng lớp (Giáo viên Tiểu học, mã số V.07.03.09)							Chỉ tiêu nhân viên				
			Tổng chỉ tiêu giáo viên	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tiếng Anh	GD thể chất	Tin học	Tổng chỉ tiêu nhân viên	Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư mã số 02.008	Y tế trường học
TT	**Tổng**	**90**	**90**	**82**	**0**	**2**	**0**	**2**	**4**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Bích Hòa	6	6	4		1			1	0				
2	Bình Minh A	3	3	3						0				
3	Bình Minh B	1	1	1						0				
4	Cao Dương	12	12	11					1	0				
5	Cao Viên I	2	2	2						0				
6	Cao Viên II	12	12	10		1		1		0				
7	Cự Khê	2	2	2						0				
8	Dân Hòa	4	4	4						0				
9	Đỗ Động	0	0							0				
10	Hồng Dương	5	5	5						0				
11	Kim An	0	0							0				
12	Kim Thư	2	2	2						0				
13	Liên Châu	5	5	4					1	0				
14	Mỹ Hưng	2	2	1				1		0				
15	Phương Trung I	6	6	5					1	0				
16	Phương Trung II	6	6	6						0				
17	Tam Hưng	6	6	6						0				
18	Tân Ước	2	2	2						0				
19	Thanh Cao	1	1	1						0				
20	Thanh Mai	3	3	3						0				
21	Thanh Thùy	2	2	2						0				
22	Thanh Văn	3	3	3						0				
23	thị trấn Kim Bài	1	1	1						0				
24	Xuân Dương	4	4	4						0				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI TIỂU HỌC

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN THANH TRÌ

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu giáo viên đứng lớp (Giáo viên Tiểu học, mã số V.07.03.09)							Chỉ tiêu nhân viên				
			Tổng chỉ tiêu giáo viên	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tiếng Anh	GD thể chất	Tin học	Tổng chỉ tiêu nhân viên	Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư mã số 02.008	Y tế trường học
TT	**Tổng**	**222**	**216**	**183**	**6**	**6**	**4**	**7**	**10**	**6**	**2**	**0**	**4**	**0**
1	Thanh Liệt	**10**	**10**	10						**0**				
2	Phạm Tu	**10**	**10**	9				1		**0**				
3	Tam Hiệp	**12**	**12**	11					1	**0**				
4	Tân Triều	**19**	**18**	16			1		1	**1**			1	
5	Yên Xá	**11**	**11**	10				1		**0**				
6	Hữu Hòa	**18**	**18**	13	1	1	1	1	1	**0**				
1	Tả Thanh Oai	**21**	**20**	17	1	2				**1**			1	
8	Đại Áng	**13**	**12**	10			1		1	**1**			1	
9	Vĩnh Quỳnh	**12**	**12**	12						**0**				
10	Thị Trấn Văn Điển A	**10**	**10**	9				1		**0**				
11	Thị Trấn Văn Điển B	**8**	**8**	7		1				**0**				
12	Tứ Hiệp	**3**	**3**	3						**0**				
13	Ngô Sĩ Kiện	**7**	**6**	4		1			1	**1**	1			
14	Yên Mỹ	**5**	**5**	4					1	**0**				
15	Duyên Hà	**7**	**7**	4	1		1		1	**0**				
16	Vạn Phúc	**10**	**10**	7				1	2	**0**				
17	Đông Mỹ	**10**	**10**	8	1			1		**0**				
18	Ngũ Hiệp	**11**	**11**	9	1			1		**0**				
19	Vũ Lăng	**7**	**6**	6						**1**	1			
20	Ngọc Hồi	**5**	**5**	4					1	**0**				
21	Liên Ninh	**9**	**8**	6	1	1				**1**			1	
22	Dạy Trẻ Khuyết Tật	**4**	**4**	4						**0**				

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
QUẬN THANH XUÂN

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu giáo viên đứng lớp (Giáo viên Tiểu học, mã số V.07.03.09)							Chỉ tiêu nhân viên				
			Tổng chỉ tiêu giáo viên	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tiếng Anh	GD thể chất	Tin học	Tổng chỉ tiêu nhân viên	Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư mã số 02.008	Y tế trường học
	Tổng	**66**	**63**	**47**	**3**	**4**	**0**	**6**	**3**	**3**	**0**	**0**	**3**	**0**
1	Kim Giang	7	7	7						0				
2	Nguyễn Trãi	5	5	2		1		1	1	0				
3	Phương Liệt	4	4	4						0				
4	Phan Đình Giót	3	2	1					1	1			1	
5	Đặng Trần Côn	1	1			1				0				
6	Thanh Xuân Nam	8	8	6	1			1		0				
7	Khương Đình	6	6	5				1		0				
8	Khương Mai	1	1					1		0				
9	Thanh Xuân Trung	10	10	7	1	1		1		0				
10	Nhân Chính	6	5	4	1					1			1	
11	Hạ Đình	9	8	6		1		1		1			1	
12	Thanh Xuân Bắc	6	6	5					1	0				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI TIỂU HỌC

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN THƯỜNG TÍN

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu giáo viên đứng lớp (Giáo viên Tiểu học, mã số V.07.03.09)							Chỉ tiêu nhân viên				
			Tổng chỉ tiêu giáo viên	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tiếng Anh	GD thể chất	Tin học	Tổng chỉ tiêu nhân viên	Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư mã số 02.008	Y tế trường học
	TỔNG	**167**	**167**	**149**	**1**	**3**	**0**	**13**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	TH Chương Dương	6	6	6						0				
2	TH Dũng Tiến	0	0							0				
3	TH Duyên Thái	9	9	9						0				
4	TH Hà Hồi	5	5	5						0				
5	TH Hiền Giang	5	5	4					1	0				
6	TH Hoà Bình	5	5	5						0				
7	TH Hồng Vân	3	3	3						0				
8	TH Khánh Hà	9	9	7		1		1		0				
9	TH Lê Lợi	6	6	4		1		1		0				
10	TH Liên Phương	6	6	6						0				
11	TH Minh Cường	3	3	2				1		0				
12	TH Ninh Sở	8	8	7				1		0				
13	TH Nghiêm Xuyên	0	0							0				
14	TH Nguyễn Du	9	9	8				1		0				
15	TH Nguyễn Trãi	7	7	6				1		0				
16	TH Nhị Khê	6	6	6						0				
17	TH Quất Động	7	7	7						0				
18	TH Tân Minh	8	8	7				1		0				
19	TH Tiền Phong	2	2	2						0				
20	TH Tô Hiệu	3	3	3						0				
21	TH Tự nhiên	9	9	8				1		0				
22	TH Thắng Lợi	2	2	2						0				
23	TH Thống Nhất	3	3	2				1		0				
24	TH Thư Phú	7	7	7						0				
25	TH Vạn Điểm	2	2	1				1		0				
26	TH Văn Bình	11	11	9	1			1		0				
27	TH Văn Phú	7	7	7						0				
28	TH Văn Tự	7	7	6				1		0				
29	TH Vân Tảo	12	12	10		1		1		0				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI TIỂU HỌC

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN ỨNG HÒA

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu giáo viên đứng lớp (Giáo viên Tiểu học, mã số V.07.03.09)							Chỉ tiêu nhân viên				
			Tổng chỉ tiêu giáo viên	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tiếng Anh	GD thể chất	Tin học	Tổng chỉ tiêu nhân viên	Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán (kế toán viên TC)	Văn thư mã số 02.008	Y tế trường học
	TỔNG	**125**	**125**	**105**	**4**	**5**	**0**	**7**	**4**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Viên An	1	1	1						0				
2	Viên Nội	0	0							0				
3	Cao Thành	3	3	3						0				
4	Hoa Sơn	3	3	2	1					0				
5	Trường Thịnh	6	6	5		1				0				
6	Quảng Phú Cầu	12	12	10	1				1	0				
7	Liên Bạt	7	7	6					1	0				
8	Thị Trấn	1	1	1						0				
9	Sơn Công	3	3	3						0				
10	Đồng Tiến	4	4	4						0				
11	Vạn Thái	2	2	2						0				
12	Hoà Xá	3	3	3						0				
13	Hoà Nam	6	6	6						0				
14	Hoà Phú	4	4	3				1		0				
15	Phù Lưu	3	3	2		1				0				
16	Lưu Hoàng	2	2	2						0				
17	Hồng Quang	6	6	6						0				
18	Đội Bình	11	11	8	1			1	1	0				
19	Phương Tú	3	3	2					1	0				
20	Trung Tú	2	2	1		1				0				
21	Đồng Tân	0	0							0				
22	Hoà Lâm	5	5	4		1				0				
23	Trầm Lộng	4	4	2	1			1		0				
24	Kim Đường	9	9	8				1		0				
25	Minh Đức	4	4	3				1		0				
26	Đại Hùng	8	8	7				1		0				
27	Đại Cường	2	2	1		1				0				
28	Đông Lỗ	7	7	6				1		0				
29	Tảo Dương Văn	4	4	4						0				
30	Tân Phương	0	0							0				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI THCS

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

STT	Đơn vị	Biên chế được giao		Số có mặt đến 31/12/2018		Số thiếu		Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu tuyển giáo viên các bộ môn (Giáo viên THCS, mã số V.07.04.12)																Tổng nhân viên	Chỉ tiêu nhân viên			
									Tổng giáo viên	Chia ra																			
		Viên chức giáo viên	Viên chức nhân viên	Viên chức giáo viên	Viên chức nhân viên	Viên chức giáo viên	Viên chức nhân viên			Văn	Sử	Địa	Tiếng Anh	GDCD	Toán	Lý	Hóa	sinh	Tin	KTCN	KTNN	GD thể chất	Âm nhạc	Mỹ thuật		Thư viện	Kế toán	Văn Thư	Y tế
	TỔNG	**21990**	**3049**	**17953**	**2570**	**4037**	**479**	**3673**	**3546**	**390**	**269**	**333**	**234**	**192**	**488**	**240**	**170**	**351**	**116**	**124**	**137**	**283**	**116**	**103**	**127**	**75**	**0**	**52**	**0**
1	Ba Đình	734	69	592	51	142	18	118	*113*	8	5	11	20	3	15	10	5	9	4	4	4	9	2	4	5	2		3	
2	Ba Vì	1011	177	898	150	113	27	103	*103*	0	5	14	0	3	22	16	10	12	3	6	2	10	0	0	0				
3	Bắc Từ Liêm	544	60	364	39	180	21	157	*151*	5	16	10	11	16	7	10	4	21	11	7	15	9	5	4	6	2		4	
4	Cầu Giấy	602	56	488	46	114	10	112	*110*	12	8	5	12	3	18	5	5	11	3	6	1	13	4	4	2	2		0	
5	Chương Mỹ	1086	185	896	158	190	27	171	*171*	30	12	19	0	14	24	9	8	21	0	12	9	7	4	2	0				
6	Đan Phượng	559	80	439	50	120	30	111	*104*	12	8	7	7	10	18	9	4	6	5	4	5	7	2	0	7	7		0	
7	Đông Anh	1178	130	938	110	240	20	255	*246*	35	16	14	16	18	33	9	14	29	0	16	20	12	10	4	9	6		3	
8	Đống Đa	826	89	717	80	109	9	89	*85*	2	7	6	12	5	4	8	1	10	1	5	10	6	5	3	4	2		2	
9	Gia Lâm	819	115	610	96	209	19	215	*208*	24	12	16	20	12	32	13	9	16	8	5	8	15	10	8	7	4		3	
10	Hà Đông	978	104	871	83	107	21	84	*74*	0	2	22	0	0	3	4	2	13	1	0	0	16	1	10	10	6		4	
11	Hai Bà Trưng	686	81	510	60	176	21	137	*132*	19	15	10	14	7	17	8	9	6	4	4	0	8	4	7	5	4		1	
12	Hoài Đức	782	112	618	108	164	4	140	*138*	4	9	18	0	17	13	9	6	24	0	5	9	17	4	3	2	2			
13	Hoàn Kiếm	461	41	394	30	67	11	46	*44*	7	1	1	13	0	12	1	2	3	0	0	0	2	2	0	2	0		2	
14	Hoàng Mai	764	80	545	61	219	19	194	*188*	20	16	15	18	6	25	14	9	13	6	6	10	16	8	6	6	2		4	
15	Long Biên	798	91	610	77	188	14	168	*165*	12	19	14	14	9	22	11	6	16	2	12	0	19	3	6	3	2		1	
16	Mê Linh	707	111	669	101	38	10	22	*22*			7										4	7	4	0				
17	Mỹ Đức	638	116	609	107	29	9	35	*35*	9	0	4	0	0	0	0	0	5	0	0	0	10	1	6	0				
18	Nam Từ Liêm	429	65	261	38	168	27	153	*143*	11	13	10	11	12	9	8	6	14	6	9	7	14	7	6	10	8		2	
19	Phú Xuyên	741	145	634	131	107	14	102	*102*	6	5	10	0	1	22	12	7	17	5	3	0	3	5	6	0				
20	Phúc Thọ	638	120	515	87	123	33	131	*115*	7	15	17	0	9	19	5	6	14	4	0	5	11	0	3	16	9		7	
21	Quốc Oai	724	112	638	91	86	21	94	*84*	9	4	7	3	7	23	7	3	3	7	1	5	4	1	0	10	6		4	
22	Sóc Sơn	1101	137	904	120	197	17	197	*197*	72	14	12	9	4	26	7	9	11	20	1	0	4	5	3	0				
23	Sơn Tây	485	75	438	69	47	6	26	*26*	0	0	8	0	0	0	4	2	9	3	0	0	0	0	0	0				
24	Tây Hồ	358	42	302	37	56	5	47	*44*	2	2	3	6	3	4	2	4	4	3	2	0	6	2	1	3	1		2	
25	Thạch Thất	812	123	724	120	88	3	87	*87*	9	4	10	1	5	9	10	5	6	10	4	5	4	4	1	0				
26	Thanh Oai	661	85	524	85	137	0	120	*120*	18	20	17	2	0	31	7	4	11	0	0	0	8	0	2	0				
27	Thanh Trì	764	89	467	68	297	21	293	*287*	42	20	18	35	10	64	19	12	20	3	7	7	20	6	4	6	3		3	
28	Thanh Xuân	569	59	455	46	114	13	86	*82*	4	8	7	4	5	7	4	2	10	2	2	5	12	8	2	4	2		2	
29	Thường Tín	823	150	738	141	85	9	77	*72*	0	6	11	6	5	0	13	8	9	5	1	1	5	1	1	5			5	
30	Ứng Hòa	712	150	585	130	127	20	103	*98*	11	7	10	0	8	9	6	8	8	0	2	9	12	5	3	5	5			

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI THCS

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
QUẬN BA ĐÌNH

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu tuyển giáo viên các bộ môn (Giáo viên THCS, mã số V.07.04.12)																Tổng nhân viên	Chỉ tiêu nhân viên			
			Tổng giáo viên	Chia ra																Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán	Văn Thư (mã số 02.008)	y tế trường học
				Văn	Sử	Địa	Tiếng Anh	GDCD	Toán	Lý	Hóa	sinh	Tin	KTCN	KTNN	GD thể chất	Âm nhạc	Mỹ thuật					
	TỔNG	**118**	**113**	**8**	**5**	**11**	**20**	**3**	**15**	**10**	**5**	**9**	**4**	**4**	**4**	**9**	**2**	**4**	**5**	**2**	**0**	**3**	**0**
1	THCS Ba Đình	**4**	**4**	1		1	1							1					**0**				
2	THCS Giảng Võ	**17**	**17**	1		2	2	1	2	2	2	1		1	1	2			**0**				
3	THCS Thăng Long	**15**	**13**		1	1	3		3	1		1	1			2			**2**	1		1	
4	THCS Nguyễn Công Trứ	**7**	**7**	1		1				1	2			1				1	**0**				
5	THCS Nguyễn Tri Phương	**20**	**19**	2		2	2		2	2	1	2		1	1	2	1	1	**1**			1	
6	THCS Phan Chu Trinh	**11**	**11**		1		4	1	1	2		1				1			**0**				
7	THCS Thành Công	**8**	**8**		1	1	2		1							1	1	1	**0**				
8	THCS Hoàng Hoa Thám	**8**	**8**			1	2		2	1		1			1				**0**				
9	THCS Thống Nhất	**3**	**3**				2		1										**0**				
10	THCS Mạc Đĩnh Chi	**5**	**5**						2			1	1					1	**0**				
11	THCS Nguyễn Trãi	**7**	**7**	1	1	1	1	1				1	1						**0**				
12	THCS Phúc Xá	**13**	**11**	2	1	1	1		1	1		1	1		1	1			**2**	1		1	

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI THCS

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019

HUYỆN BA VÌ

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu tuyển giáo viên các bộ môn (Giáo viên THCS, mã số V.07.04.12)																Tổng nhân viên	Chỉ tiêu nhân viên			
			Tổng giáo viên	Chia ra																Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán	Văn Thư (mã số 02.008)	y tế trường học
				Văn	Sử	Địa	Tiếng Anh	GDCD	Toán	Lý	Hóa	sinh	Tin	KTCN	KTNN	GD thể chất	Âm nhạc	Mỹ thuật					
	TỔNG	**103**	**103**	**0**	**5**	**14**	**0**	**3**	**22**	**16**	**10**	**12**	**3**	**6**	**2**	**10**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Ba Trại	4	4			1				1		1				1			0				
2	Cẩm Lĩnh	7	7			1		1	2		1	1			1				0				
3	Cam Thượng	0	0																0				
4	Châu Sơn	2	2						1	1									0				
5	Chu Minh	1	1						1										0				
6	Cổ Đô	2	2			1					1								0				
7	Đông Quang	1	1						1										0				
8	Đồng Thái	3	3		1	1						1							0				
9	Hợp Nhất	3	3			1				1	1								0				
10	Khánh Thượng	0	0																0				
11	Minh Châu	7	7			1		1			1	1	1		1	1			0				
12	Minh Quang	5	5			1				1		1	1	1					0				
13	Phong Vân	1	1								1								0				
14	Phú Châu	2	2						2										0				
15	Phú Cường	1	1						1										0				
16	Phú Đông	0	0																0				
17	Phú Phương	1	1						1										0				
18	Phú Sơn	3	3			1			1	1									0				
19	Sơn Đà	7	7			1			2	1		1		1		1			0				
20	Tản Đà	1	1							1									0				
21	Tản Hồng	3	3			1				1		1							0				
22	Tản Lĩnh	7	7			1				1	1	1		1		2			0				
23	Tây Đằng	2	2			1				1									0				
24	Thái Hòa	0	0																0				
25	Thuần Mỹ	4	4					1	1		1					1			0				
26	Thụy An	4	4			1			1	1		1							0				
27	Tiên Phong	3	3							1		1		1					0				
28	Tòng Bạt	4	4		1				1		1			1					0				
29	TTNC Bò	1	1							1									0				
30	Vân Hòa	4	4		1				1			1				1			0				
31	Vạn Thắng	7	7		1	1			3	1						1			0				
32	Vật Lại	5	5		1				1	1		1		1					0				
33	Yên Bài A	3	3							1	1					1			0				
34	Yên Bài B	5	5						2		1		1			1			0				
35	Yên Sơn	0	0																0				

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI THCS

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019

QUẬN BẮC TỪ LIÊM

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu tuyển giáo viên các bộ môn (Giáo viên THCS, mã số V.07.04.12)																Tổng nhân viên	Chỉ tiêu nhân viên			
			Tổng giáo viên	Chia ra																Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán	Văn Thư (mã số 02.008)	y tế trường học
				Văn	Sử	Địa	Tiếng Anh	GDCD	Toán	Lý	Hóa	sinh	Tin	KTCN	KTNN	GD thể chất	Âm nhạc	Mỹ thuật					
	TỔNG	**157**	**151**	**5**	**16**	**10**	**11**	**16**	**7**	**10**	**4**	**21**	**11**	**7**	**15**	**9**	**5**	**4**	**6**	**2**	**0**	**4**	**0**
1	Cổ Nhuế 2	**21**	**21**	1	3	2	1	3	1	1	1	3	1		2	1	1		**0**				
2	Đông Ngạc	**15**	**15**		2		1	2		2	1	2	1	1	1	1	1		**0**				
3	Phú Diễn	**10**	**9**		2			1		1		1	1		2	1			**1**	1			
1	Xuân Đỉnh	**15**	**15**		1	2	2	1	2	1		2	1		1	2			**0**				
5	Tây Tựu	**14**	**14**		2	1	1	2		1		2	1	1	2		1		**0**				
6	Liên Mạc	**8**	**7**			1	1		1			2	1			1			**1**			1	
7	Minh Khai	**17**	**17**		2			2	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1	**0**				
8	Phúc Diễn	**18**	**17**		1	2	2	2		1		2	1	1	2	1	1	1	**1**	1			
9	Thụy Phương	**8**	**7**	1	1			1				1	1	1	1				**1**			1	
10	Thượng Cát	**14**	**13**	1	1	1	1	1	1		1	2	1	1	1			1	**1**			1	
11	Đức Thắng	**17**	**16**	2	1	1	2	1	1	1		2	1	1	1	1		1	**1**			1	

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019

QUẬN CẦU GIẤY

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu tuyển giáo viên các bộ môn (Giáo viên THCS, mã số V.07.04.12)																Tổng nhân viên	Chỉ tiêu nhân viên			
			Tổng giáo viên	Chia ra																Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán	Văn Thư (mã số 02.008)	y tế trường học
				Văn	Sử	Địa	Tiếng Anh	GDCD	Toán	Lý	Hóa	sinh	Tin	KTCN	KTNN	GD thể chất	Âm nhạc	Mỹ thuật					
	TỔNG	**112**	**110**	**12**	**8**	**5**	**12**	**3**	**18**	**5**	**5**	**11**	**3**	**6**	**1**	**13**	**4**	**4**	**2**	**2**	**0**	**0**	**0**
1	THCS Cầu Giấy	**10**	**10**		1		2	1	1			2	1			1	1		**0**				
2	THCS Dịch Vọng Hậu	**18**	**17**	3	1	1	2		1	1	1	2	1			2	1	1	**1**	1			
3	THCS Dịch Vọng	**15**	**15**	1	1	1	1	1	3	1	1	1	1	1		1	1		**0**				
4	THCS Lê Quý Đôn	**14**	**14**	1	2		1	1	3					2	1	2		1	**0**				
5	THCS Mai Dịch	**16**	**16**	1	1	1	3		3	1	2	1		1		2			**0**				
6	THCS Nam Trung Yên	**5**	**5**	2					1			1				1			**0**				
7	THCS Nghĩa Tân	**21**	**20**	2	1	1	2		3	1	1	3		2		3		1	**1**	1			
8	THCS Trung Hòa	**1**	**1**															1	**0**				
9	THCS Yên Hòa	**12**	**12**	2	1	1	1		3	1		1				1	1		**0**				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI THCS

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN CHƯƠNG MỸ

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu tuyển giáo viên các bộ môn (Giáo viên THCS, mã số V.07.04.12)																Tổng nhân viên	Chỉ tiêu nhân viên			
			Tổng giáo viên	Chia ra																Công tác Thư viện	Kế toán	Văn Thư	y tế trường học
				Văn	Sử	Địa	Tiếng Anh	GDCD	Toán	Lý	Hóa	sinh	Tin	KTCN	KTNN	GD thể chất	Âm nhạc	Mỹ thuật					
	TỔNG	**171**	**171**	**30**	**12**	**19**	**0**	**14**	**24**	**9**	**8**	**21**	**0**	**12**	**9**	**7**	**4**	**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	THCS Bê Tông	5	5		1	1		1				1						1	0				
2	THCS Đại Yên	4	4					1				1			1		1		0				
5	THCS Đồng Lạc	0	0																0				
6	THCS Đồng Phú	0	0																0				
3	THCS Đông Phương Yên	12	12	3	1	1		1	2		2	1			1				0				
4	THCS Đông Sơn	4	4	1		1			1	1									0				
7	THCS Hòa Chính	7	7	2	1				1			1		1			1		0				
8	THCS Hoàng Diệu	5	5	1	1	1						1		1					0				
9	THCS Hoàng Văn Thụ	3	3			1									1			1	0				
10	THCS Hồng Phong	4	4	1	1	1				1									0				
11	THCS Hợp Đồng	3	3	1		1		1											0				
12	THCS Hữu Văn	6	6		1	1			1		1				1	1			0				
13	THCS Lam Điền	5	5	1						1	1	1				1			0				
14	THCS Lương Mỹ	2	2			1										1			0				
15	THCS Mỹ Lương	10	10	2	1			1	3			1		1		1			0				
16	THCS Nam Phương Tiến A	3	3			1			1					1					0				
17	THCS Nam Phương Tiến B	8	8	2		1			1	1		1		1		1			0				
18	THCS Ngọc Hòa	2	2						1		1								0				
19	THCS Ngô Sỹ Liên	2	2		1	1													0				
20	THCS Phú Nam An	2	2	1												1			0				
21	THCS Phú Nghĩa	4	4			2			1	1									0				
22	THCS Phụng Châu	1	1						1										0				
23	THCS Quảng Bị	7	7	1	1			1		1		1		1	1				0				
24	THCS Tân Tiến	8	8	3					1	1		2			1				0				
25	THCS Thanh Bình	3	3	1	1			1											0				
26	THCS Thượng Vực	1	1						1										0				
27	THCS Thụy Hương	5	5			1					1	2			1				0				
28	THCS Thủy Xuân Tiên	4	4	1								1		1	1				0				
29	THCS Tiên Phương	3	3						1		1	1							0				
30	THCS Tốt Động	4	4		1			2				1							0				
31	THCS Trần Phú	8	8	3	1	1		1	1					1					0				
32	THCS Trung Hòa	6	6			1		1	3					1					0				
33	THCS Trường Yên	4	4	1					2								1		0				
34	THCS Văn Võ	12	12	3				1	2	1	1	1		1	1	1			0				
35	THCS TT Chúc Sơn	3	3					1				1		1					0				
36	THCS TT Xuân Mai A	7	7	1		2				1		2					1		0				
37	THCS TT Xuân Mai B	4	4	1				1				1		1					0				

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI THCS

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu tuyển giáo viên các bộ môn (Giáo viên THCS, mã số V.07.04.12)																Tổng nhân viên	Chỉ tiêu nhân viên			
			Tổng giáo viên	Chia ra																Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán	Văn Thư (mã số 02.008)	y tế trường học
				Văn	Sử	Địa	Tiếng Anh	GDCD	Toán	Lý	Hóa	sinh	Tin	KTCN	KTNN	GD thể chất	Âm nhạc	Mỹ thuật					
	TỔNG	**111**	**104**	**12**	**8**	**7**	**7**	**10**	**18**	**9**	**4**	**6**	**5**	**4**	**5**	**7**	**2**	**0**	**7**	**7**	**0**	**0**	**0**
1	Lương Thế Vinh	3	3			1	1	1											0				
2	Đan Phượng	3	3		1	1	1												0				
3	Song Phượng	2	2	1						1									0				
4	Đồng Tháp	0	0																0				
5	Phương Đình	3	3		1		1	1											0				
6	Thọ Xuân	13	12	1	1	1	1		3	1	1	1	1	1					1	1			
7	Thọ An	9	8		1			1	3	1			1		1				1	1			
8	Trung Châu	10	9	1				1	2	1		2	1				1		1	1			
9	Hồng Hà	12	11		1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1		1	1			
10	Liên Hồng	4	4		1			1	2										0				
1	Liên Hà	14	13		1	2	1	1	3		1			1	1	2			1	1			
12	Liên Trung	8	7	3				1	2				1						1	1			
13	Thượng Mỗ	9	8	2			1	1			1	1				2			1	1			
14	Tô Hiến Thành	8	8	2	1				2	2		1							0				
15	Tân Hội	7	7			2		1		2				1	1				0				
16	Tân Lập	6	6	2									1		1	2			0				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI THCS

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN ĐÔNG ANH

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu tuyển giáo viên các bộ môn (Giáo viên THCS, mã số V.07.04.12)																Tổng nhân viên	Chỉ tiêu nhân viên			
			Tổng giáo viên	Chia ra																Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán	Văn Thư (mã số 02.008)	y tế trường học
				Văn	Sử	Địa	Tiếng Anh	GDCD	Toán	Lý	Hóa	sinh	Tin	KTCN	KTNN	GD thể chất	Âm nhạc	Mỹ thuật					
	TỔNG	**255**	**246**	**35**	**16**	**14**	**16**	**18**	**33**	**9**	**14**	**29**	**0**	**16**	**20**	**12**	**10**	**4**	**9**	**6**	**0**	**3**	**0**
1	Cổ Loa	17	17	4	1	1	1	2	2		1	1		1		3			0				
2	Liên Hà	18	18	2	2	1		3	5		2			1	2				0				
3	Thuỵ lâm	14	14	2	2	1	1	1	2			1			2	1	1		0				
4	Việt Hùng	18	18		2	2	1		2	1	1	4		1	2	1		1	0				
5	Nguyên Khê	9	8		1			1	1	1					2	1	1		1	1			
6	Bắc Hồng	10	10				1	1	3		1	3						1	0				
7	Bùi Quang Mại	9	8	2			2	1			1	1		1					1	1			
8	Dục Tú	18	18	1	1	2	2	2	2	1	1	2		1		1	1	1	0				
9	Đông Hội	7	7	4										1			2		0				
10	Hải Bối	10	10						1		1	3		1	2		2		0				
11	Kim Chung	8	8			1			3	1	1	1		1					0				
12	Kim Nỗ	5	5	2				1				1		1					0				
13	Mai Lâm	12	12	2		1	2	1	3			1		1		1			0				
14	Nam hồng	6	6	1			1			1		2			1				0				
15	Ng.Huy Tưởng	4	4					1				1		1	1				0				
16	Tàm Xá	7	6	1			1		1			2					1		1	1			
17	Thị Trấn	12	11	2	2	1		1	1			1			1	1	1		1	1			
18	Tiên Dương	11	11	4		2				1	2	1				1			0				
19	Uy Nỗ	5	3					1	1		1								2	1		1	
20	Vân Hà	13	13	4	2		1			1	1			1	2	1			0				
21	Vân Nội	8	8		1		1	1	2		1			1	1				0				
22	Vĩnh Ngọc	5	5		1	1						1		1	1				0				
23	Võng La	8	7	1				1		1		1		1	1			1	1			1	
24	Xuân Canh	10	8	1			1		2			2		1	1				2	1		1	
25	Xuân Nộn	11	11	2	1	1	1		2	1					1	1	1		0				

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
QUẬN ĐỐNG ĐA

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu tuyển giáo viên các bộ môn (Giáo viên THCS, mã số V.07.04.12)																Tổng nhân viên	Chỉ tiêu nhân viên			
			Tổng giáo viên	Chia ra																			
				Văn	Sử	Địa	Tiếng Anh	GDCD	Toán	Lý	Hóa	sinh	Tin	KTCN	KTNN	GD thể chất	Âm nhạc	Mỹ thuật		Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán	Văn Thư (mã số 02.008)	y tế trường học
	TỔNG	89	85	2	7	6	12	5	4	8	1	10	1	5	10	6	5	3	4	2	0	2	0
1	Trung Phụng	3	3		1		1								1				0				
2	Tô Vĩnh Diện	3	2			1										1			1			1	
3	Thịnh Quang	7	6	1			1			1			1		1	1			1			1	
4	Thái Thịnh	4	3				1		1					1					1	1			
5	Tam Khương	3	2				1					1							1	1			
6	Quang Trung	4	4			2				1		1							0				
7	Phương Mai	9	9		1	1	1		1	1		1		1	1	1			0				
8	Nguyễn Trường Tộ	11	11		3		3	1		1		2			1				0				
9	Bế Văn Đàn	7	7		1		1	1	1	1		1			1				0				
10	Lý Thường Kiệt	3	3				1	1							1				0				
11	Láng Hạ	4	4							1					1	1		1	0				
12	Láng Thượng	7	7			1			1	1		1			1		1	1	0				
13	Khương Thượng	5	5					2		1				1	1				0				
14	Huy văn	8	8			1					1	2		1			2	1	0				
15	Đống Đa	7	7		1		2					1		1		1	1		0				
16	Cát Linh	4	4	1											1	1	1		0				

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN GIA LÂM

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu tuyển giáo viên các bộ môn (Giáo viên THCS, mã số V.07.04.12)																Tổng nhân viên	Chỉ tiêu nhân viên			
			Tổng giáo viên	Chia ra																Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán	Văn Thư (mã số 02.008)	y tế trường học
				Văn	Sử	Địa	Tiếng Anh	GDCD	Toán	Lý	Hóa	sinh	Tin	KTCN	KTNN	GD thể chất	Âm nhạc	Mỹ thuật					
	TỔNG	**215**	**208**	**24**	**12**	**16**	**20**	**12**	**32**	**13**	**9**	**16**	**8**	**5**	**8**	**15**	**10**	**8**	**7**	**4**	**0**	**3**	**0**
1	THCS Bát Tràng	3	3				1					1				1			0				
2	THCS Cao Bá Quát	16	15	3		1		1	5	1	2	1				1			1	1			
3	THCS Cổ Bi	8	8	2	1					0		2	1		1		1		0				
4	THCS Dương Hà	7	7	1	1								1	1		1	1	1	0				
5	THCS Dương Quang	14	13	2		2	2		2	1		2	1		1				1			1	
6	THCS Dương Xá	7	7		1	2		1		1		1						1	0				
7	THCS Đa Tốn	8	8	1			2	1	1			1				1		1	0				
8	THCS Đặng Xá	9	9	1	1	1	1		2	1			1		1				0				
9	THCS Đình Xuyên	2	2							1				1					0				
10	THCS Đông Dư	8	7						2	1		1		1			1	1	1	1			
11	THCS Kiêu Kỵ	9	9	1		1	1		2	1	1	1			1				0				
12	THCS Kim Lan	6	6	1	1	1	1	1								1			0				
13	THCS Kim Sơn	15	13	2		1	1	1	4	1		1				1		1	2	1		1	
14	THCS Lệ Chi	14	14	2			1	1	5	1	1		1	1			1		0				
15	THCS Ninh Hiệp	16	15		1	1	2	1	3	1	1	1	1		1	1		1	1	1			
16	THCS Phù Đổng	11	11	2			3	1	2						1	1	1		0				
17	THCS Phú Thị	6	6		1	1		1			1					1	1		0				
18	THCS TT Trâu Quỳ	17	17	2		2	2	1	1	1		2	1	1	1	2	1		0				
19	THCS TT Yên Viên	6	6	1	1		1		1	0		1			1				0				
20	THCS Trung Mầu	8	7	2		1					1		1				1	1	1			1	
21	THCS Văn Đức	8	8	1			1	1	1	1				0		1	1	1	0				
22	THCS Yên Thường	12	12		3	1	1	1		1	1	1				2	1		0				
23	THCS Yên Viên	5	5		1	1			1		1					1			0				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI THCS

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
QUẬN HÀ ĐÔNG

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu tuyển giáo viên các bộ môn (Giáo viên THCS, mã số V.07.04.12)																	Tổng nhân viên	Chỉ tiêu nhân viên			
			Tổng giáo viên	Chia ra																	Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán	Văn Thư (mã số 02.008)	y tế trường học
				Văn	Sử	Địa	Tiếng Anh	GDCD	Toán	Lý	Hóa	sinh	Tin	KTCN	KTNN	GD thể chất	Âm nhạc	Mỹ thuật					
	TỔNG	**84**	**74**	**0**	**2**	**22**	**0**	**0**	**3**	**4**	**2**	**13**	**1**	**0**	**0**	**16**	**1**	**10**	**10**	**6**	**0**	**4**	**0**
1	Nguyễn Trãi	**4**	**4**									1				2		1	**0**				
2	Mỗ Lao	**2**	**1**															1	**1**	1			
3	Trần Đăng Ninh	**5**	**4**			2										1		1	**1**			1	
4	Phú Lương	**13**	**11**			4				2	1	1				1	1	1	**2**	1		1	
5	Văn Yên	**2**	**2**			1										1			**0**				
6	Dương Nội	**6**	**5**			1				1		2				1			**1**			1	
7	Lê Hồng Phong	**2**	**2**			1										1			**0**				
8	Lê Lợi	**2**	**2**			1												1	**0**				
9	Lê Quý Đôn	**8**	**8**			3				1		2				1		1	**0**				
10	Yên Nghĩa	**8**	**7**			2						2				2		1	**1**	1			
11	Đồng Mai	**10**	**9**		2	2					1	2	1			1			**1**			1	
12	Văn Khê	**3**	**2**													1		1	**1**	1			
13	Phú La	**4**	**3**									1				2			**1**	1			
14	Văn Quán	**3**	**3**			1										1		1	**0**				
15	Vạn Phúc	**1**	**1**			1													**0**				
16	Kiến Hưng	**2**	**1**			1													**1**	1			
17	Phú Lãm	**2**	**2**			1						1							**0**				
18	Biên Giang	**5**	**5**						3			1						1	**0**				
19	Mậu Lương	**2**	**2**			1										1			**0**				

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
QUẬN HAI BÀ TRƯNG

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu tuyển giáo viên các bộ môn (Giáo viên THCS, mã số V.07.04.12)																Tổng nhân viên	Chỉ tiêu nhân viên			
			Tổng giáo viên	Chia ra																Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán	Văn Thư (mã số 02.008)	y tế trường học
				Văn	Sử	Địa	Tiếng Anh	GDCD	Toán	Lý	Hóa	sinh	Tin	KTCN	KTNN	GD thể chất	Âm nhạc	Mỹ thuật					
	TỔNG	**137**	**132**	**19**	**15**	**10**	**14**	**7**	**17**	**8**	**9**	**6**	**4**	**4**	**0**	**8**	**4**	**7**	**5**	**4**	**0**	**1**	**0**
1	THCS Ngô Gia Tự	**4**	**4**				3											1	**0**				
2	THCS Vân Hồ	**4**	**4**							1	1			1		1			**0**				
3	THCS Minh Khai	**13**	**12**	2	1	1		1	1		1	2				2		1	**1**	1			
4	THCS Hai Bà Trưng	**0**	**0**																**0**				
5	THCS Tây Sơn	**6**	**5**		2											1	1	1	**1**	1			
6	THCS Vĩnh Tuy	**16**	**15**	3	1	1	1	1	2	1	2		1				1	1	**1**	1			
7	THCS Ngô Quyền	**11**	**11**	1	1	1	3	1	3		1								**0**				
8	THCS Lương Yên	**7**	**7**	3		1		1	2									0	**0**				
9	THCS Quỳnh Mai	**13**	**13**	2	1	2	2		1	1	1	1				1		1	**0**				
10	THCS Đoàn Kết	**7**	**7**	1	1	2			1				1					1	**0**				
11	THCS Nguyễn Phong Sắc	**11**	**11**	2	1			1	1	1	1		0			2	1	1	**0**				
12	THCS Trưng Nhị	**10**	**10**	1	3		2		2	1			1						**0**				
13	THCS Lê Ngọc Hân	**9**	**8**	1	2	1	2		1							1			**1**			1	
14	THCS Tô Hoàng	**16**	**15**		2			1	3	2	1	2	1	2			1	0	**1**	1			
15	THCS Hà Huy Tập	**10**	**10**	3		1	1	1		1	1	1		1					**0**				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI THCS

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN HOÀI ĐỨC

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu tuyển giáo viên các bộ môn (Giáo viên THCS, mã số V.07.04.12)																Tổng nhân viên	Chỉ tiêu nhân viên			
			Tổng giáo viên	Chia ra																Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán	Văn Thư (mã số 02.008)	y tế trường học
				Văn	Sử	Địa	Tiếng Anh	GDCD	Toán	Lý	Hóa	sinh	Tin	KTCN	KTNN	GD thể chất	Âm nhạc	Mỹ thuật					
	TỔNG	**140**	**138**	**4**	**9**	**18**	**0**	**17**	**13**	**9**	**6**	**24**	**0**	**5**	**9**	**17**	**4**	**3**	**2**	**2**	**0**	**0**	**0**
1	An Khánh	**9**	**9**	0	2	1		3			1	1				1			**0**				
2	An Thượng	**17**	**17**	0	1	3		1		2	1	4			1	3	1		**0**				
3	Cát quế A	**6**	**6**	0	1	1				1					1	1		1	**0**				
4	Cát quế B	**5**	**5**	0		1		1	1			1					1		**0**				
5	Đắc Sở	**0**	**0**	0															**0**				
6	Di Trạch	**3**	**3**	0				1							1	1			**0**				
7	Đông La	**15**	**15**	1	1	1		2		2	1	3			1	2	1		**0**				
8	Đức Giang	**3**	**3**	0								2				1			**0**				
9	Đức Thượng	**7**	**7**	0		1		1	1	1		2				1			**0**				
10	Dương Liễu	**5**	**5**	0		1		1				2				1			**0**				
11	Kim Chung	**4**	**4**	0				1	1			1		1					**0**				
12	La Phù	**4**	**3**	0				1		1		1							**1**	1			
13	Lại Yên	**4**	**4**	1					2			1							**0**				
14	Minh Khai	**2**	**2**	0					1					1					**0**				
15	N V Huyên	**1**	**1**	0	1														**0**				
16	Sơn Đồng	**6**	**6**	0				1			1	2			1	1			**0**				
17	Song Phương	**9**	**9**	0		2		1	1		1	3			1				**0**				
18	Thị trấn	**11**	**10**	0	1	1		1	2			1		1	1	2			**1**	1			
19	Tiền Yên	**3**	**3**	0		1			1							1			**0**				
20	Vân Canh	**6**	**6**		1	1		1		1				1	1				**0**				
21	Vân Côn	**15**	**15**	2	1	2			2	1	1			1	1	1	1	2	**0**				
22	Yên Sở	**5**	**5**	0		2		1	1							1			**0**				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI THCS

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
QUẬN HOÀN KIẾM
(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu tuyển giáo viên các bộ môn (Giáo viên THCS, mã số V.07.04.12)																Tổng nhân viên	Chỉ tiêu nhân viên			
			Tổng giáo viên	Chia ra																Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán	Văn Thư (mã số 02.008)	y tế trường học
				Văn	Sử	Địa	Tiếng Anh	GDCD	Toán	Lý	Hóa	sinh	Tin	KTCN	KTNN	GD thể chất	Âm nhạc	Mỹ thuật					
	TỔNG	46	44	7	1	1	13	0	12	1	2	3	0	0	0	2	2	0	2	0	0	2	0
1	Ngô Sĩ Liên	15	14	2		1	4		3			2				1	1		1			1	
2	Trưng Vương	9	9	2	1		2		3							1			0				
3	Nguyễn Du	6	6	1			2		2	1									0				
4	Thanh Quan	5	4	1			2		1										1			1	
5	Hoàn Kiếm	3	3	1					1		1								0				
6	Chương Dương	3	3				2				1								0				
7	Lê Lợi	5	5				1		2			1					1		0				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI THCS

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
QUẬN HOÀNG MAI

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu tuyển giáo viên các bộ môn (Giáo viên THCS, mã số V.07.04.12)																Tổng nhân viên	Chỉ tiêu nhân viên			
			Tổng giáo viên	Chia ra																Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán	Văn Thư (mã số 02.008)	y tế trường học
				Văn	Sử	Địa	Tiếng Anh	GDCD	Toán	Lý	Hóa	sinh	Tin	KTCN	KTNN	GD thể chất	Âm nhạc	Mỹ thuật					
	TỔNG	194	188	20	16	15	18	6	25	14	9	13	6	6	10	16	8	6	6	2	0	4	0
1	Tân Định	21	21	1	3	2	2	1	1	1		2	1	1	2	2	1	1	0				
2	Tân Mai	17	17	1	2	1	1	1	2	1	1	1	2			3	1		0				
3	Hoàng Liệt	24	23	3	2	3	1		3	1	1	1	1	1	2	2		2	1			1	
4	Lĩnh Nam	12	10		2	1			2	2	1	1					1		2	1		1	
5	Giáp Bát	6	6	1	1					1		1			1		1		0				
6	Mai Động	10	10			1	2		3	1					1	1	1		0				
7	Vĩnh Hưng	9	9	1	1	1			3	1		1						1	0				
8	Yên Sở	14	14	2	1	1	1	1	3		2	1			1	1			0				
9	Thanh Trì	11	11	3	1	1	1		3		1					1			0				
10	Đại Kim	17	16	2	1	1	2	1		2	1	1			1	2	1	1	1	1			
11	Trần Phú	10	10	1	1				2	1		1		1		2	1		0				
12	Hoàng Văn Thụ	10	10	1		1	3		1			2	1	1					0				
13	Thịnh Liệt	13	13	1	1		2	1		1	2		1	1	1	1	1		0				
14	Định Công	16	15	2		1	3	1	2	2		1		1		1		1	1			1	
15	Đền Lừ	4	3	1		1									1				1			1	

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI THCS

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
QUẬN LONG BIÊN

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu tuyển giáo viên các bộ môn (Giáo viên THCS, mã số V.07.04.12)																	Chỉ tiêu nhân viên			
			Tổng giáo viên	Chia ra															Tổng nhân viên	Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán	Văn Thư (mã số 02.008)	y tế trường học
				Văn	Sử	Địa	Tiếng Anh	GDCD	Toán	Lý	Hóa	sinh	Tin	KTCN	KTNN	GD thể chất	Âm nhạc	Mỹ thuật					
	TỔNG	**168**	**165**	**12**	**19**	**14**	**14**	**9**	**22**	**11**	**6**	**16**	**2**	**12**	**0**	**19**	**3**	**6**	**3**	**2**	**0**	**1**	**0**
1	Ngọc Thụy	**15**	**15**	2	2	1	2		2	2		1		2		1			**0**				
2	Sài Đồng	**10**	**10**		2	1	1		1	1		1				1	1	1	**0**				
3	Gia Thụy	**3**	**3**		1				1							1			**0**				
4	Ái Mộ	**11**	**10**		2	2	1				1	1		1		2			**1**	1			
5	Ngọc Lâm	**8**	**8**			1	2		1	1		1				2			**0**				
6	Thạch Bàn	**12**	**12**	1	1	1	1	1	1	1		1				2	1	1	**0**				
7	Thượng Thanh	**16**	**16**	2	1	2		2	2	1		1		2		1	1	1	**0**				
8	Long Biên	**11**	**11**	1	1	1	1	1	1		1	2		1		1			**0**				
9	ĐT Việt Hưng	**8**	**8**		2	1		1			1	1		1		1			**0**				
10	Đức Giang	**6**	**6**		1	1	1			1	1	1							**0**				
11	Ngô Gia Tự	**8**	**8**					1	2	1	1	1				1		1	**0**				
12	Việt Hưng	**9**	**9**	2	2		1	1	2					1					**0**				
13	Phúc Lợi	**13**	**12**		1	2	1	1	1	2		1	1			2			**1**			1	
14	Cự Khối	**8**	**8**	1	1	1			2	1	1	1							**0**				
15	Thanh Am	**11**	**10**		1		1	1	2			1	1	1		1		1	**1**	1			
16	Phúc Đồng	**8**	**8**	2			1		2					1		1		1	**0**				
17	Giang Biên	**5**	**5**	1					1			1		1		1			**0**				
18	Bồ Đề	**6**	**6**		1		1		1			1		1		1			**0**				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI THCS

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN MÊ LINH

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu tuyển giáo viên các bộ môn (Giáo viên THCS, mã số V.07.04.12)																Tổng nhân viên	Chỉ tiêu nhân viên.			
			Tổng giáo viên	Chia ra																Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán	Văn Thư (mã số 02.008)	y tế trường học
				Văn	Sử	Địa	Tiếng Anh	GDCD	Toán	Lý	Hóa	sinh	Tin	KTCN	KTNN	GD thể chất	Âm nhạc	Mỹ thuật					
	TỔNG	**22**	**22**	**0**	**0**	**7**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**4**	**7**	**4**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Chi Đông	1	1														1		0				
2	Chu Phan	3	3			1											1	1	0				
3	Đại Thịnh	2	2			1										1			0				
4	Hoàng Kim	1	1														1		0				
5	Kim Hoa	2	2			1											1		0				
6	Liên Mạc A	2	2													1	1		0				
7	Liên Mạc B	1	1														1		0				
8	Mê Linh	0	0																0				
9	Phạm Hồng Thái	0	0																0				
10	Quang Minh	1	1			1													0				
11	Tam Đồng	0	0																0				
12	Tiền Phong	0	0																0				
13	Tiến Thắng	0	0																0				
14	Tiến Thịnh	1	1														1		0				
15	Tự Lập	1	1			1													0				
16	Thanh Lâm A	2	2			1												1	0				
17	Thanh Lâm B	1	1													1			0				
18	Tráng Việt	1	1															1	0				
19	Trưng Vương	0	0																0				
20	Vạn Yên	0	0																0				
21	Văn Khê A	2	2			1										1			0				
22	Văn Khê B	1	1															1	0				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI THCS

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN MỸ ĐỨC

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu tuyển giáo viên các bộ môn (Giáo viên THCS, mã số V.07.04.12)																Tổng nhân viên	Chỉ tiêu nhân viên			
			Tổng giáo viên	Chia ra																Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán	Văn Thư (mã số 02.008)	y tế trường học
				Văn	Sử	Địa	Tiếng Anh	GDCD	Toán	Lý	Hóa	sinh	Tin	KTCN	KTNN	GD thể chất	Âm nhạc	Mỹ thuật					
	TỔNG	**35**	**35**	**9**	**0**	**4**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**5**	**0**	**0**	**0**	**10**	**1**	**6**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Đồng Tâm	2	2	1												1			0				
2	Thượng Lâm	2	2	1												1			0				
3	Phúc Lâm	2	2	1								1							0				
4	Tuy Lai	0	0																0				
5	Bột Xuyên	3	3			1						1				1			0				
6	Mỹ Thành	1	1			1													0				
7	An Mỹ	0	0																0				
8	Hồng Sơn	1	1													1			0				
9	Lê Thanh	2	2			1										1			0				
10	Xuy Xá	0	0																0				
11	Phùng Xá	0	0																0				
12	Phù Lưu Tế	0	0																0				
13	Tế Tiêu	0	0																0				
14	Đại Nghĩa	0	0																0				
15	Đại Hưng	2	2	1														1	0				
16	Vạn Kim	1	1															1	0				
17	Đốc Tín	3	3	1												1		1	0				
18	Hương Sơn	2	2													2			0				
19	Hùng Tiến	3	3	2														1	0				
20	An Tiến	2	2														1	1	0				
21	Hợp Tiến	4	4	2								2							0				
22	Hợp Thanh	5	5			1						1				2		1	0				
23	An Phú	0	0																0				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI THCS

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
QUẬN NAM TỪ LIÊM

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu tuyển giáo viên các bộ môn (Giáo viên THCS, mã số V.07.04.12)																Tổng nhân viên	Chỉ tiêu nhân viên			
			Tổng giáo viên	Chia ra																Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán	Văn Thư (mã số 02.008)	y tế trường học
				Văn	Sử	Địa	Tiếng Anh	GDCD	Toán	Lý	Hóa	sinh	Tin	KTCN	KTNN	GD thể chất	Âm nhạc	Mỹ thuật					
	TỔNG	**153**	**143**	**11**	**13**	**10**	**11**	**12**	**9**	**8**	**6**	**14**	**6**	**9**	**7**	**14**	**7**	**6**	**10**	**8**	**0**	**2**	**0**
1	Mỹ Đình 1	**13**	**12**	1	1	1	1	1		1	1	2		1		1	1		**1**	1			
2	Mỹ Đình 2	**13**	**13**	1	2	1	1	1	1	1		1	1	1		1		1	**0**				
3	Phú Đô	**10**	**8**			1		1		1	1	1			1	1		1	**2**	1		1	
4	Mễ Trì	**16**	**15**	1	1	1	1	1		1	1	2	1		1	2	1	1	**1**	1			
5	Tây Mỗ	**17**	**15**	2	1	1	1	1	2	1	1	1		1	1	1	1		**2**	1		1	
6	Lý Nam Đế	**8**	**8**		1		1	1				1	1			1	1	1	**0**				
7	Trung Văn	**13**	**12**	1	1	1		1	1	1		1		1	1	2		1	**1**	1			
8	Nguyễn Du	**6**	**6**					1	1				1	1		1	1		**0**				
9	Đại Mỗ	**13**	**12**		1	1	2	1	2	1	1	1		1		1			**1**	1			
10	Nguyễn Quý Đức	**9**	**9**		2	1		1				1	1	1	1	1			**0**				
11	Phương Canh	**13**	**12**	1	1	1	1	1	1	1		1		1		1	1	1	**1**	1			
12	Xuân Phương	**10**	**10**	2	1		2				1	1			1	1	1		**0**				
13	Nam Từ Liêm	**12**	**11**	2	1	1	1	1	1			1	1	1	1				**1**	1			

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN PHÚ XUYÊN

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu tuyển giáo viên các bộ môn (Giáo viên THCS, mã số V.07.04.12)																Tổng nhân viên	Chỉ tiêu nhân viên			
			Tổng giáo viên	Chia ra																Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán	Văn Thư (mã số 02.008)	y tế trường học
				Văn	Sử	Địa	Tiếng Anh	GDCD	Toán	Lý	Hóa	sinh	Tin	KTCN	KTNN	GD thể chất	Âm nhạc	Mỹ thuật					
	TỔNG	**102**	**102**	**6**	**5**	**10**	**0**	**1**	**22**	**12**	**7**	**17**	**5**	**3**	**0**	**3**	**5**	**6**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Bạch Hạ	4	4					1	1		1							1	0				
2	Vân Từ	3	3	1					1	1									0				
3	Phượng Dực	2	2		1													1	0				
4	Sơn Hà	3	3		1				1			1							0				
5	Hồng Thái	3	3						2			1							0				
6	Tri Trung	0	0																0				
7	Đại Xuyên	1	1								1								0				
8	Minh Tân	8	8						3	1	1	2				1			0				
9	Hoàng Long	3	3							1			1				1		0				
10	Nam Triều	4	4	1		1			1			1							0				
11	Nam Phong	0	0																0				
12	Quang Lãng	3	3			1			1			1							0				
13	TT Phú Xuyên	7	7			1			1	1		2	1			1			0				
14	Đại Thắng	4	4						2			1						1	0				
15	Phú Túc	4	4			1				1		1	1						0				
16	Chuyên Mỹ	9	9	2	1	2			2	1			1						0				
17	Quang Trung	4	4						1	1	1	1							0				
18	Hồng Minh	4	4		1	1				1		1							0				
19	Thụy Phú	0	0																0				
20	Trần Phú	3	3							1		1						1	0				
21	Châu Can	8	8	1		1			1	2		1		1			1		0				
22	Phú Yên	7	7	1	1				2	1				1				1	0				
23	Tân Dân	3	3								1		1					1	0				
24	Văn Hoàng	0	0																0				
25	Văn Nhân	1	1						1										0				
26	Tri Thủy	6	6			1			1		1			1		1	1		0				
27	Phúc Tiến	3	3			1					1						1		0				
28	Khai Thái	3	3						1			2							0				
29	TT Phú Minh	2	2									1					1		0				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI THCS

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN PHÚC THỌ

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu tuyển giáo viên các bộ môn (Giáo viên THCS, mã số V.07.04.12)																Tổng nhân viên	Chỉ tiêu nhân viên			
			Tổng giáo viên	Chia ra																Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán	Văn Thư (mã số 02.008)	y tế trường học
				Văn	Sử	Địa	Tiếng Anh	GDCD	Toán	Lý	Hóa	sinh	Tin	KTCN	KTNN	GD thể chất	Âm nhạc	Mỹ thuật					
	TỔNG	**131**	**115**	**7**	**15**	**17**	**0**	**9**	**19**	**5**	**6**	**14**	**4**	**0**	**5**	**11**	**0**	**3**	**16**	**9**	**0**	**7**	**0**
1	Liên Hiệp	10	9		2			1	1	1		2			1			1	1	1			
2	Hiệp Thuận	6	5		1	1				1		1				1			1			1	
3	Tam Hiệp	3	3			1			1				1						0				
4	Ngọc Tảo	10	10		2	2		1	2		1	1	1						0				
5	Phụng Thượng	9	8			2		1	1		1	2			1				1			1	
6	Thị trấn Phúc Thọ	6	6		1	2					1	1				1			0				
7	Trạch Mỹ Lộc	0	0																0				
8	Thọ Lộc	3	2			1		1											1			1	
9	Tích Giang	2	1										1						1	1			
10	Sen Chiểu	10	10	2	2	1		1	1		1					2			0				
11	Võng Xuyên	4	3		2							1							1	1			
12	Võng Xuyên B	9	8		2				1	1		1	1		1	1			1			1	
13	Long Xuyên	11	11	2	1	2		1	1			2			1	1			0				
14	Thượng Cốc	6	5	1					1	1	1				1				1	1			
15	Xuân Phú	0	0																0				
16	Vân Phúc	9	9	1	1	1		1	1		1	1				1		1	0				
17	Vân Nam	4	2						1	1									2	1		1	
18	Hát Môn	9	9		1	2		1	3			1				1			0				
19	Thanh Đa	8	6	1				1	2			1				1			2	1		1	
20	Tam Thuấn	5	4			1			1							1		1	1	1			
21	Phúc Hòa	1	0																1			1	
22	Phương Độ	3	3			1			1							1			0				
23	Cẩm Đình	1	0																1	1			
24	Vân Hà	2	1						1										1	1			

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019

HUYỆN QUỐC OAI

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu tuyển giáo viên các bộ môn (Giáo viên THCS, mã số V.07.04.12)																Tổng nhân viên	Chỉ tiêu nhân viên			
			Tổng giáo viên	Chia ra																Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán	Văn Thư (mã số 02.008)	y tế trường học
				Văn	Sử	Địa	Tiếng Anh	GDCD	Toán	Lý	Hóa	sinh	Tin	KTCN	KTNN	GD thể chất	Âm nhạc	Mỹ thuật					
	TỔNG	**94**	**84**	**9**	**4**	**7**	**3**	**7**	**23**	**7**	**3**	**3**	**7**	**1**	**5**	**4**	**1**	**0**	**10**	**6**	**0**	**4**	**0**
1	Cấn Hữu	4	3		1				1						1				1			1	
2	Cộng Hòa	2	2					1					1						0				
3	Đại Thành	7	5	1		1	1		1	1									2	1		1	
4	Đồng Quang	10	9	4			1		2	1	1								1	1			
5	Đông Xuân	4	4			1			2				1						0				
6	Đông Yên	2	2						2										0				
7	Hòa Thạch	7	7				1		1	1			1	1	1	1			0				
8	Kiều Phú	2	1							1									1			1	
9	Liệp Tuyết	1	1						1										0				
10	Nghĩa Hương	0	0																0				
11	Ngọc Liệp	4	4		1					1					1	1			0				
12	Ngọc Mỹ	4	4						1			1	1		1				0				
13	Phú Cát	5	5	1		1					1	1				1			0				
14	Phú Mãn	4	3		1					1	1								1	1			
15	Phượng Cách	9	9	1	1	1		1	3				1			1			0				
16	Sài Sơn	9	9			1		2	3	1		1			1				0				
17	Tân Hòa	3	3					1	2										0				
18	Tân Phú	5	5	1		1			2				1						0				
19	Thạch Thán	1	0																1	1			
20	Thị trấn	4	3			1		1	1										1	1			
21	Tuyết Nghĩa	5	4	1				1	1				1						1			1	
22	Yên Sơn	2	1														1		1	1			

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019

HUYỆN SÓC SƠN

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu tuyển giáo viên các bộ môn (Giáo viên THCS, mã số V.07.04.12)																Tổng nhân viên	Chỉ tiêu nhân viên			
			Tổng giáo viên	Chia ra																Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán	Văn Thư (mã số 02.008)	y tế trường học
				Văn	Sử	Địa	Tiếng Anh	GDCD	Toán	Lý	Hóa	sinh	Tin	KTCN	KTNN	GD thể chất	Âm nhạc	Mỹ thuật					
	TỔNG	**197**	**197**	**72**	**14**	**12**	**9**	**4**	**26**	**7**	**9**	**11**	**20**	**1**	**0**	**4**	**5**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	THCS Bắc Sơn	**12**	**12**	3		2	2		3			1	1						**0**				
2	THCS Nam Sơn	**10**	**10**	3	1		1		3				1				1		**0**				
3	THCS Hồng Kỳ	**10**	**10**	1	1	1			2	1	1	1	1	1					**0**				
4	THCS Trung Giã	**15**	**15**	5	1	1	2		1	1	2	1	1						**0**				
5	THCS Tân Hưng	**10**	**10**	1		1			2	2	1		1					2	**0**				
6	THCS Bắc Phú	**9**	**9**	3					2			1	2				1		**0**				
7	THCS Tân Minh A	**2**	**2**	2															**0**				
8	THCS Tân Minh B	**4**	**4**	2								1				1			**0**				
9	THCS Phù Linh	**1**	**1**			1													**0**				
10	THCS Thị trấn	**6**	**6**		2		1				1		2						**0**				
11	THCS Tiên Dược	**4**	**4**	3						1									**0**				
12	THCS Đức Hoà	**4**	**4**	3				1											**0**				
13	THCS Việt Long	**4**	**4**	2		1			1										**0**				
14	THCS Xuân Giang	**8**	**8**	3	3				2										**0**				
15	THCS Xuân Thu	**7**	**7**	1	1			1	1			1	1				1		**0**				
16	THCS Kim Lũ	**4**	**4**	2				1					1						**0**				
17	THCS Đông Xuân	**7**	**7**	3					2			1	1						**0**				
18	THCS Nguyễn Du	**11**	**11**	6							1	1	2			1			**0**				
19	THCS Phú Minh	**4**	**4**	2			1				1								**0**				
20	THCS Phú Cường	**4**	**4**	1								2	1						**0**				
21	THCS Thanh Xuân	**8**	**8**	6					1	1									**0**				
22	THCS Tân Dân	**5**	**5**	2		1							1					1	**0**				
23	THCS Minh Phú	**13**	**13**	5	1				3		1		1			1	1		**0**				
24	THCS Minh Trí	**9**	**9**	3	1	1				1			1			1	1		**0**				
25	THCS Hiền Ninh	**9**	**9**	5	2	1			1										**0**				
26	THCS Quang Tiến	**10**	**10**	4	1	1	1	1				1	1						**0**				
27	THCS Mai Đình	**7**	**7**	1		1	1		2		1		1						**0**				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI THCS

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
THỊ XÃ SƠN TÂY

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu tuyển giáo viên các bộ môn (Giáo viên THCS, mã số V.07.04.12)																Tổng nhân viên	Chỉ tiêu nhân viên			
			Tổng giáo viên	Chia ra																Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán	Văn Thư (mã số 02.008)	y tế trường học
				Văn	Sử	Địa	Tiếng Anh	GDCD	Toán	Lý	Hóa	sinh	Tin	KTCN	KTNN	GD thể chất	Âm nhạc	Mỹ thuật					
	TỔNG	**26**	**26**	**0**	**0**	**8**	**0**	**0**	**0**	**4**	**2**	**9**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Đường Lâm	2	2			1				1									0				
2	Cổ Đông	3	3			1				1		1							0				
3	Hồng Hà	1	1									1							0				
4	Kim Sơn	1	1			1													0				
5	Ngô Quyền	1	1			1													0				
6	Phùng Hưng	1	1										1						0				
7	Sơn Đông	2	2			1				1									0				
8	Sơn Lộc	1	1									1							0				
9	Sơn Tây	2	2			1						1							0				
10	Thanh Mỹ	3	3			1						1	1						0				
11	Trung Hưng	0	0																0				
12	Trung Sơn Trầm	2	2			1						1							0				
13	Viên Sơn	2	2								1	1							0				
14	Xuân Khanh	1	1									1							0				
15	Xuân Sơn	4	4							1	1	1	1						0				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI THCS

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
QUẬN TÂY HỒ

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu tuyển giáo viên các bộ môn																Tổng nhân viên	Chỉ tiêu nhân			
			Tổng giáo viên	Chia ra																Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán	Văn Thư (mã số 02.008)	y tế trường học
				Văn	Sử	Địa	Tiếng Anh	GDCD	Toán	Lý	Hóa	sinh	Tin	KTCN	KTNN	GD thể chất	Âm nhạc	Mỹ thuật					
	TỔNG	**47**	**44**	**2**	**2**	**3**	**6**	**3**	**4**	**2**	**4**	**4**	**3**	**2**	**0**	**6**	**2**	**1**	**3**	**1**	**0**	**2**	**0**
1	Chu Văn An	**4**	**4**				2				1						1		**0**				
2	Đông Thái	**7**	**6**				1	1				2	1			1			**1**			1	
3	Xuân La	**6**	**6**	1	1	1		1				1				1			**0**				
4	Nhật Tân	**7**	**7**				1			1	2	1		1		1			**0**				
5	Phú Thượng	**9**	**9**			1		1	2	1	1		1			2			**0**				
6	Quảng An	**1**	**1**	1															**0**				
7	Tứ Liên	**4**	**4**		1		1						1			1			**0**				
8	An Dương	**9**	**7**			1	1		2					1			1	1	**2**	1		1	

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI THCS

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN THẠCH THẤT

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu tuyển giáo viên các bộ môn																Tổng nhân viên	Chỉ tiêu nhân			
			Tổng giáo viên	Chia ra																Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán	Văn Thư (mã số 02.008)	y tế trường học
				Văn	Sử	Địa	Tiếng Anh	GDCD	Toán	Lý	Hóa	sinh	Tin	KTCN	KTNN	GD thể chất	Âm nhạc	Mỹ thuật					
	TỔNG	**87**	**87**	**9**	**4**	**10**	**1**	**5**	**9**	**10**	**5**	**6**	**10**	**4**	**5**	**4**	**4**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	THCS Bình Phú	6	6	1		1			1	1			1			1			0				
2	THCS Bình Yên	5	5			1		1	1			1				1			0				
3	THCS Cẩm Yên	3	3	1	1			1											0				
4	THCS Cần Kiệm	4	4	1									1	1	1				0				
5	THCS Chàng Sơn	2	2	1						1									0				
6	THCS Đại Đồng	1	1							1									0				
7	THCS Dị Nậu	4	4					1		1			1	1					0				
8	THCS Đồng Trúc	2	2			1							1						0				
9	THCS Hạ Bằng	2	2			1							1						0				
10	THCS Hương Ngải	3	3	1		1						1							0				
11	THCS Hữu Bằng	11	11	1	1	1	1	1	3	2	1								0				
12	THCS Kim Quan	3	3								1			1		1			0				
13	THCS Lại Thượng	3	3			1						1			1				0				
14	THCS Liên Quan	3	3					1		1			1						0				
15	THCS Minh Hà	5	5		1				1					1	1	1							
16	THCS Phú Kim	2	2	1		1													0				
17	THCS Phùng Xá	8	8	2	1	1			1	2			1						0				
18	THCS Tân Xã	4	4			1				1	1		1						0				
19	THCS Thạch Hoà	4	4						1		1	1	1						0				
20	THCS Thạch Thất	3	3								1				1		1		0				
21	THCS Thạch Xá	2	2						1			1							0				
22	THCS Tiến Xuân	2	2										1				1		0				
23	THCS Yên Bình	2	2												1		1		0				
24	THCS Yên Trung	3	3									1					1	1	0				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI THCS

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN THANH OAI

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu tuyển giáo viên các bộ môn																Tổng nhân viên	Chỉ tiêu nhân			
			Tổng giáo viên	Chia ra																Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán	Văn Thư (mã số 02.008)	y tế trường học
				Văn	Sử	Địa	Tiếng Anh	GDCD	Toán	Lý	Hóa	sinh	Tin	KTCN	KTNN	GD thể chất	Âm nhạc	Mỹ thuật					
	TỔNG	**120**	**120**	**18**	**20**	**17**	**2**	**0**	**31**	**7**	**4**	**11**	**0**	**0**	**0**	**8**	**0**	**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Bích Hòa	7	7	2		1			1		1	1				1			0				
2	Bình Minh	7	7		1	1			2		1	1				1			0				
3	Cao Dương	8	8		2	1			3	1		1							0				
4	Cao Viên	11	11	2	3	2			2	1						1			0				
5	Cự Khê	3	3		1	1					1								0				
6	Dân Hòa	6	6	2		1			2							1			0				
7	Đỗ Động	1	1							1									0				
8	Hồng Dương	10	10	2	1	1			3	1		1				1			0				
9	Kim An	4	4	1	1	1			1										0				
10	Kim Thư	4	4	1	1				1			1							0				
11	Liên Châu	6	6	1	1		1		1			1						1	0				
12	Mỹ Hưng	4	4		1	1			2										0				
13	Phương Trung	14	14	2	1	3			3	1	1	1				1		1	0				
14	Tam Hưng	6	6		1	1			2	1		1							0				
15	Tân Ước	5	5	1			1		1	1		1							0				
16	Thanh Cao	4	4		1	1			2										0				
17	Thanh Mai	2	2						2										0				
18	Thanh Thuỳ	6	6		2	1			1			1				1			0				
19	Thanh Văn	4	4	2	1							1							0				
20	Nguyễn Trực	5	5	1	1	1			1							1			0				
21	Xuân Dương	3	3	1	1				1										0				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI THCS

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN THANH TRÌ

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu tuyển giáo viên các bộ môn (Giáo viên THCS, mã số V.07.04.12)																Tổng nhân viên	Chỉ tiêu nhân viên			
			Tổng giáo viên	Chia ra																Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán	Văn Thư (mã số 02.008)	y tế trường học
				Văn	Sử	Địa	Tiếng Anh	GDCD	Toán	Lý	Hóa	sinh	Tin	KTCN	KTNN	GD thể chất	Âm nhạc	Mỹ thuật					
	TỔNG	**293**	**287**	**42**	**20**	**18**	**35**	**10**	**64**	**19**	**12**	**20**	**3**	**7**	**7**	**20**	**6**	**4**	**6**	**3**	**0**	**3**	**0**
1	Thanh Liệt	30	30	1	3	3	2	2	1	2	3	4		1	2	4		2	0				
2	Tam Hiệp	14	14	2					4	2		2		1	1	2			0				
3	Tân Triều	21	21	3	1	2	3	1	4	1	1	2			1	2			0				
4	Hữu Hòa	16	16	4	1	1	1		5	1		1			1		1		0				
5	Tả Thanh Oai	23	23	3	2	1	3		7	2	1	1	1	1			1		0				
6	Đại Áng	16	16	3	1	1	3		2	2	1					1	1	1	0				
7	Vĩnh Quỳnh	20	19	4	1		3		7				1			2	1		1			1	
8	TTr Văn Điển	19	19	1	2	2	3	3	3			2		1	1	1			0				
9	Tứ Hiệp	21	21	3	2	2	3	1	4	1		2			1	2			0				
10	Yên Mỹ	13	13	3	1				3	1	1	1	1	1		1			0				
11	Duyên Hà	8	7	2			2	1	2										1	1			
12	Vạn Phúc	19	19	2	1	1	3		6	1	2	1				2			0				
13	Đông Mỹ	14	13	2	1	1	1		4	1	1	1				1			1	1			
14	Ngũ Hiệp	14	13	2	1		2	1	3		1	1		1		1			1			1	
15	Ngọc Hồi	13	13	1	1	1	3		3	2		1					1		0				
16	Liên Ninh	23	23	4	2	3	2		4	2	1	1		1		1	1	1	0				
17	Chu Văn An	9	7	2			1	1	2	1									2	1		1	

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI THCS

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019

QUẬN THANH XUÂN

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu tuyển giáo viên các bộ môn (Giáo viên THCS, mã số V.07.04.12)																Tổng nhân viên	Chỉ tiêu nhân viên			
			Tổng giáo viên	Chia ra																Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán	Văn Thư (mã số 02.008)	y tế trường học
				Văn	Sử	Địa	Tiếng Anh	GDCD	Toán	Lý	Hóa	sinh	Tin	KTCN	KTNN	GD thể chất	Âm nhạc	Mỹ thuật					
	TỔNG	**86**	**82**	**4**	**8**	**7**	**4**	**5**	**7**	**4**	**2**	**10**	**2**	**2**	**5**	**12**	**8**	**2**	**4**	**2**	**0**	**2**	**0**
1	Việt Nam - Angiêri	4	4		1				1	1					1				0				
2	Nguyễn Trãi	8	6		1			1		1	1	1				1			2	1		1	
3	Phan Đình Giót	6	6			1		1				1		1		1	1		0				
4	Thanh Xuân	22	20	1	2	3	1		1	1	1	3	1		2	2	1	1	2	1		1	
5	Thanh Xuân Nam	8	8	1			1	1	1	1		1			1	1			0				
6	Nhân Chính	6	6		1				1			1				2	1		0				
7	Kim Giang	6	6		1	1						1				2	1		0				
8	Khương Mai	6	6				2		2							1	1		0				
9	Phương Liệt	8	8	1	1	1		1				1			1	1	1		0				
10	Khương Đình	8	8		1	1			1			1		1		1	1	1	0				
11	Hạ Đình	4	4	1				1					1				1		0				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI THCS

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN THƯỜNG TÍN

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu tuyển giáo viên các bộ môn (Giáo viên THCS, mã số V.07.04.12)																Tổng nhân viên	Chỉ tiêu nhân viên			
			Tổng giáo viên	Chia ra																Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán	Văn Thư (mã số 02.008)	y tế trường học
				Văn	Sử	Địa	Tiếng Anh	GDCD	Toán	Lý	Hóa	sinh	Tin	KTCN	KTNN	GD thể chất	Âm nhạc	Mỹ thuật					
	TỔNG	**77**	**72**	**0**	**6**	**11**	**6**	**5**	**0**	**13**	**8**	**9**	**5**	**1**	**1**	**5**	**1**	**1**	**5**	**0**	**0**	**5**	**0**
1	Chương Dương	0	0																0				
2	Dũng Tiến	2	2				1				1								0				
3	Duyên Thái	5	4			1				1	1		1						1			1	
4	Hà Hồi	1	1							1									0				
5	Hiền Giang	1	0																1			1	
6	Hoà Bình	3	3			1	1				1								0				
7	Hồng Vân	7	6			1	1			1	1	1	1						1			1	
8	Khánh Hà	5	5			1				2		1				1			0				
9	Lê Lợi	4	3			1	1					1							1			1	
10	Liên Phương	1	1								1								0				
11	Minh Cường	1	1							1									0				
12	Ninh Sở	3	2			1						1							1			1	
13	Nghiêm Xuyên	1	1										1						0				
14	Nguyễn Trãi	1	1							1									0				
15	Nguyễn Trãi A	0	0																0				
16	Nhị Khê	1	1							1									0				
17	Quất Động	1	1		1														0				
18	Tân Minh	4	4		1	1	1									1			0				
19	Tiền Phong	3	3		1					1		1							0				
20	Tô Hiệu	0	0																0				
21	Tự nhiên	4	4		1			1			1		1						0				
22	Thắng Lợi	3	3					1		1						1			0				
23	Thị Trấn	0	0																0				
24	Thống Nhất	4	4			1		1				1					1		0				
25	Thư Phú	5	5		1			1					1	1				1	0				
26	Vạn Điểm	4	4							1		1			1	1			0				
27	Văn Bình	2	2			1					1								0				
28	Văn Phú	0	0																0				
29	Văn Tự	6	6			1		1		1	1	1				1			0				
30	Vân Tảo	5	5		1	1	1			1		1							0				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHỐI THCS

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019
HUYỆN ỨNG HÒA

(Kèm theo Quyết định số 1076 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu tuyển giáo viên các bộ môn (Giáo viên THCS, mã số V.07.04.12)																Tổng nhân viên	Chỉ tiêu nhân viên			
			Tổng giáo viên	Chia ra																Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Kế toán	Văn Thư (mã số 02.008)	y tế trường học
				Văn	Sử	Địa	Tiếng Anh	GDCD	Toán	Lý	Hóa	sinh	Tin	KTCN	KTNN	GD thể chất	Âm nhạc	Mỹ thuật					
	TỔNG	**103**	**98**	**11**	**7**	**10**	**0**	**8**	**9**	**6**	**8**	**8**	**0**	**2**	**9**	**12**	**5**	**3**	**5**	**5**	**0**	**0**	**0**
1	Viên An	2	2	1								1							0				
2	Viên Nội	2	2	1								1							0				
3	Cao Thành	3	2		1	1													1	1			
4	Hoa Sơn	1	1								1								0				
5	Trường Thịnh	3	3	1											1			1	0				
6	Quảng Phú Cầu	4	4		1			1				1				1			0				
7	Liên Bạt	0	0																0				
8	Thị trấn Vân Đình	1	1							1									0				
9	Sơn Công	0	0																0				
10	Đồng Tiến	3	3								1				1		1		0				
11	Vạn Thái	2	2	1											1				0				
12	Hòa Xá	3	3			1				1							1		0				
13	Hòa Nam	5	5		1	1		1				1				1			0				
14	Hòa Phú	4	4		1	1						1			1				0				
15	Phù Lưu	4	4	1							1	1				1			0				
16	Lưu Hoàng	6	6		1			1	1	1	1					1			0				
17	Hồng Quang	6	6	1					1		1			1		1		1	0				
18	Đội Bình	4	4						1			1			1		1		0				
19	Phương Tú	6	6	1		1			1	1		1				1			0				
20	Trung Tú	6	5	1				1	1					1		1			1	1			
21	Đồng Tân	1	1													1			0				
22	Hòa Lâm	1	1					1											0				
23	Trầm Lộng	5	5			1		1			1				1	1			0				
24	Kim Đường	2	2			1										1			0				
25	Minh Đức	5	4			1									1	1	1		1	1			
26	Đại Hùng	5	5	1				1	1		1				1				0				
27	Đại Cường	6	6	1	1	1		1			1						1		0				
28	Đông Lỗ	4	3	1					1	1									1	1			
29	Tảo Dương Văn	4	3			1			1						1				1	1			
30	Ng Thượng Hiền	5	5		1				1	1						1		1	0				